

Số: 1349/QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày 19 tháng 9 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt phương án cấm mốc giới hành lang bảo vệ nguồn nước của hồ chứa thủy điện Đăk Kar thuộc Công ty Cổ phần Thủy điện Đăk Kar tại xã Thọ Sơn, tỉnh Đồng Nai

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 27 tháng 11 năm 2023;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024;

Căn cứ Luật Thủy lợi ngày 19 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước;

Căn cứ Nghị định số 53/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước;

Căn cứ Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Thông tư 05/2018/TT-BNNPTNT ngày 15 tháng 05 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi;

Căn cứ Thông tư số 09/2019/TT-BCT ngày 08/7/2019 của Bộ Công Thương quy định về quản lý an toàn đập, hồ chứa thủy điện;

Căn cứ Thông tư số 23/2024/TT-BTNMT ngày 26 tháng 11 năm 2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật lập hành lang bảo vệ nguồn nước;

Căn cứ phương án cấm mốc giới hành lang bảo vệ nguồn nước đối với đập, hồ chứa thủy điện Đăk Kar của Công ty Cổ phần Thủy điện Đăk Kar; Văn bản số 32/2025/TTr-DKHPC ngày 31/7/2025 của Công ty Cổ phần Thủy điện Đăk Kar về việc thẩm định, phê duyệt phương án cấm mốc giới hành lang bảo vệ nguồn nước đối với đập, hồ chứa thủy điện Đăk Kar; Văn bản số 20/2025/BC-DKHPC ngày 31/7/2025 của Công ty Cổ phần Thủy điện Đăk Kar về việc giải trình Công văn số 475/SoNNMT-KSTL ngày 14/7/2025;

Căn cứ Biên bản khảo sát thực tế theo hồ sơ đề nghị thẩm định, phê duyệt phương án cấm mốc giới hành lang bảo vệ nguồn nước đối với hồ chứa thủy điện Đăk Kar của Công ty Cổ phần Thủy điện Đăk Kar tại xã Thọ Sơn, tỉnh Đồng Nai



ngày 15 tháng 8 năm 2025 giữa đại diện Sở Nông nghiệp và Môi trường, đại diện Sở Công Thương, đại diện Ủy ban nhân dân xã Thọ Sơn và Công ty Cổ phần Thủy điện Đắk Kar;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 225/TTr-SoNNMT ngày 03 tháng 09 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt phương án cắm mốc giới hành lang bảo vệ nguồn nước của hồ chứa thủy điện Đắk Kar thuộc Công ty Cổ phần Thủy điện Đắk Kar tại xã Thọ Sơn, tỉnh Đồng Nai với nội dung như sau:

1. Tên công trình

Phương án cắm mốc giới hành lang bảo vệ nguồn nước của hồ chứa thủy điện Đắk Kar thuộc Công ty Cổ phần Thủy điện Đắk Kar tại xã Thọ Sơn, tỉnh Đồng Nai.

2. Chủ đầu tư

Công ty Cổ phần Thủy điện Đắk Kar

3. Mục tiêu Phương án

Hành lang bảo vệ nguồn nước được lập để bảo vệ sự ổn định của bờ và phòng, chống lấn, chiếm đất ven nguồn nước; phòng, chống các hoạt động có nguy cơ gây ô nhiễm, suy thoái nguồn nước; bảo vệ sự phát triển hệ sinh thái thủy sinh, các loài động, thực vật tự nhiên ven nguồn nước.

4. Địa điểm và thời gian thực hiện

- Địa điểm: Trên địa bàn xã Thọ Sơn, tỉnh Đồng Nai.
- Thời gian thực hiện: Năm 2025.

5. Khối lượng và nội dung công việc

- Xây dựng 15 mốc giới: Các cột mốc bao gồm thân mốc và đế mốc: Thân mốc bằng bê tông cốt thép mác 200 đúc sẵn, mặt cắt ngang thân mốc hình vuông, kích thước 15x15 cm. Đế mốc bằng bê tông mác 200 đổ tại chỗ, kích thước mặt cắt ngang 40x40 cm, mặt trên đế mốc bằng mặt đất tự nhiên, chiều sâu từ 30-50 cm tùy thuộc vào địa hình khu vực cắm mốc.

- Định vị 15 điểm mốc, trong đó:

- + Mốc hành lang bảo vệ đập: 07 điểm mốc ranh giới.
- + Mốc hành lang bảo vệ hồ chứa: 08 điểm mốc ranh giới.

- Sau khi phương án cắm mốc giới được phê duyệt, Công ty Cổ phần Thủy điện Đắk Kar có trách nhiệm chủ trì và phối hợp với Ủy ban nhân dân xã Thọ Sơn để tổ chức cắm mốc giới theo Phương án được duyệt.

- Sau khi hoàn thành việc cắm mốc, Công ty Cổ phần Thủy điện Đắk Kar có trách nhiệm bàn giao mốc giới cho Ủy ban nhân dân xã Thọ Sơn để quản lý và phối hợp bảo vệ.

(Kèm theo Bảng tọa độ, khoảng cách của các mốc giới hành lang bảo vệ nguồn nước của đập, hồ chứa thủy điện Đăk Kar; Phương án cấm mốc giới hành lang bảo vệ nguồn nước đối với đập, hồ chứa thủy điện Đăk Kar do Công ty Cổ phần Thủy điện Đăk Kar lập)

6. Nguồn vốn thực hiện

Từ nguồn tài chính phục vụ công tác quản lý, vận hành dự án thủy điện Đăk Kar của Công ty Cổ phần Thủy điện Đăk Kar.

Điều 2. Giao Công ty Cổ phần Thủy điện Đăk Kar chịu trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã Thọ Sơn tổ chức thực hiện Phương án theo đúng quy định.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Môi trường, Công Thương; Chủ tịch UBND xã Thọ Sơn; Người đại diện theo pháp luật của Công ty Cổ phần Thủy điện Đăk Kar; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này, kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Chánh, Phó Chánh Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTN, Thu.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Thị Hoàng





PHỤ LỤC
BẢNG TỌA ĐỘ, KHOẢNG CÁCH CỦA CÁC MỐC GIỚI HÀNH LANG
BẢO VỆ NGUỒN NƯỚC CỦA ĐẬP, HỒ CHỨA THỦY ĐIỆN ĐẮK KAR

(Kèm theo Quyết định số 1349/QĐ-UBND
 ngày 19 tháng 9 năm 2025 của UBND tỉnh Đồng Nai).

Ngày 15 tháng 5 năm 2024

STT	Tên cọc	Tọa độ (VN 2000, kinh tuyến trục 107 ⁰ 45', múi chiếu 3 ⁰)		Khoảng cách (m)	Địa danh hành chính
		X	Y		
I	Tọa độ mốc giới hành lang bảo vệ đập				
1	CTTL.01	1309686.24	463931.96		Xã Thọ Sơn
2	CTTL.02	1309771.28	463892.02	93.97	Xã Thọ Sơn
3	CTTL.03	1309856.35	463852.08	94.00	Xã Thọ Sơn
4	CTTL.04	1309941.43	463812.14	94.00	Xã Thọ Sơn
5	CTTL.05	1310026.50	463772.19	94.00	Xã Thọ Sơn
6	CTTL.06	1310081.36	463849.39	94.73	Xã Thọ Sơn
7	CTTL.07	1310135.22	463925.19	93.00	Xã Thọ Sơn
II	Tọa độ mốc giới hành lang bảo vệ hồ chứa				
8	CTTL.08	1310189.08	464000.98	93.00	Xã Thọ Sơn
9	CTTL.09	1310207.44	464433.06	432.55	Xã Thọ Sơn
10	CTTL.10	1310640.73	464422.31	433.50	Xã Thọ Sơn
11	CTTL.11	1311105.30	464399.55	465.21	Xã Thọ Sơn
12	CTTL.12	1311478.24	464329.39	379.56	Xã Thọ Sơn
13	CTTL.13	1311809.29	464142.59	380.18	Xã Thọ Sơn
14	CTTL.14	1311958.55	463790.06	382.90	Xã Thọ Sơn
15	CTTL.15	1312111.86	463754.67	157.37	Xã Thọ Sơn

**ĐƠN VỊ CHỦ QUẢN:
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN ĐẮK KAR**

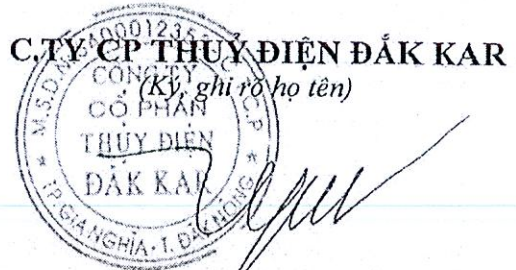
**PHƯƠNG ÁN CẮM MỐC GIỚI HÀNH LANG BẢO VỆ NGUỒN
NƯỚC ĐỐI VỚI ĐẬP, HỒ CHỨA THỦY ĐIỆN
Tên công trình: Công trình thủy điện Đắc Kar**

Năm 2025

ĐƠN VỊ CHỦ QUẢN:
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN ĐẮK KAR

PHƯƠNG ÁN CẮM MỐC GIỚI HÀNH LANG BẢO VỆ NGUỒN
NƯỚC ĐỐI VỚI ĐẬP, HỒ CHỨA THỦY ĐIỆN

CÔNG TRÌNH THỦY ĐIỆN ĐẮK KAR



TỔNG GIÁM ĐỐC
Trần Công Yên

Đắk Nông, ngày 31 tháng 07 năm 2025

MỤC LỤC

1. CƠ SỞ PHÁP LÝ ĐỂ LẬP PHƯƠNG ÁN.....	1
2. MỤC ĐÍCH XÂY DỰNG PHƯƠNG ÁN.....	1
3. THÔNG SỐ CƠ BẢN CỦA HỒ CHỨA	2
3.1 Chủ sở hữu, tổ chức khai thác hồ chứa	2
3.2 Khái quát về hồ chứa.....	2
3.3 Thông số cơ bản của hồ chứa	2
4. HIỆN TRẠNG QUẢN LÝ, SỬ DỤNG ĐẤT QUANH HỒ CHỨA.....	3
5. XÁC ĐỊNH PHẠM VI CỤ THỂ CỦA HÀNH LANG BẢO VỆ NGUỒN NƯỚC ĐỐI VỚI ĐẬP, HỒ CHỨA TRÊN SƠ ĐỒ MẶT BẰNG	4
5.1 Căn cứ xác định hành lang bảo vệ nguồn nước đối với đập, hồ chứa thủy điện Đăk Kar	4
5.2 Hành lang và ranh giới cấm mốc bảo vệ nguồn nước đối với đập, hồ chứa thủy điện Đăk Kar.....	5
6. TỌA ĐỘ, ĐỊA DANH HÀNH CHÍNH CỦA CÁC MỐC GIỚI, KHOẢNG CÁCH CỦA CÁC MỐC GIỚI TRÊN BẢN ĐỒ ĐỊA HÌNH TỶ LỆ 1/10.000.....	5
6.1 Tọa độ, địa danh hành chính của mốc giới.....	5
6.2 Vị trí xây dựng mốc giới	5
6.3 Khoảng cách của các mốc giới	5
7. PHƯƠNG ÁN HUY ĐỘNG NHÂN LỰC, VẬT TƯ, VẬT LIỆU, THI CÔNG, GIẢI PHÓNG MẶT BẰNG TRÊN THỰC ĐỊA	6
7.1 Phương án giải phóng mặt bằng	6
7.2 Phương án huy động nhân lực, vật tư, vật liệu, thi công	6
a. Biện pháp thi công cấm mốc ngoài thực địa.....	6
b. Quy định về cột mốc.....	6
c. Phương án huy động nhân lực, vật tư, vật liệu.....	7
8. TIẾN ĐỘ CẤM MỐC, BÀN GIAO MỐC GIỚI, KINH PHÍ THỰC HIỆN.....	7
8.1 Tiến độ cấm mốc, bàn giao mốc giới.....	7
8.2 Kinh phí thực hiện.....	8
9. KẾT LUẬN	8
PHỤ LỤC: Bảng thống kê tọa độ, địa danh hành chính các mốc giới bảo vệ nguồn nước đối với đập, hồ chứa thủy điện Đăk Kar trên địa bàn xã Thọ Sơn, tỉnh Đồng Nai.....	10
HỒ SƠ ĐÍNH KÈM PHƯƠNG ÁN.....	11

Đắk Nông, ngày 31 tháng 07 năm 2025

PHƯƠNG ÁN
**CẤM MỐC GIỚI HÀNH LANG BẢO VỆ NGUỒN NƯỚC ĐỐI VỚI ĐẬP,
HỒ CHỨA THỦY ĐIỆN ĐẮK KAR**
(Áp dụng trên địa bàn xã Thọ Sơn, tỉnh Đồng Nai)

1. CƠ SỞ PHÁP LÝ ĐỂ LẬP PHƯƠNG ÁN

- Luật Thủy lợi ngày 19 tháng 6 năm 2017;
- Luật Tài nguyên nước 28/2023/QH15 ngày 27 tháng 11 năm 2023;
- Nghị định số 53/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước;
- Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04 tháng 9 năm 2018 của Chính Phủ Quy định về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước;
- Thông tư số 09/2019/TT-BCT ngày 08/7/2019 của Bộ Công Thương quy định về quản lý an toàn đập, hồ chứa thủy điện;
- Thông tư 23/2024/TT-BTNMT ngày 26 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật hành lang bảo vệ nguồn nước;
- Thông tư 05/2018/TT-BNNPTNT ngày 15 tháng 05 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi;
- Quyết định số 2279/QĐ-UBND ngày 29/9/2010 của UBND tỉnh Bình Phước về việc thu hồi đất Nông lâm trường Cao su Đồng Nai – Công ty TNHH MTV Cao su Phú Riềng quản lý, giao đất, cho thuê đất và cấp GCNQSD đất cho Công ty CP thủy điện Đắk Kar để xây dựng công trình thủy điện Đắk Kar;
- Quyết định số 513/QĐ-TTg ngày 02/5/2012 của Thủ tướng Chính phủ việc phê duyệt Dự án "Hoàn thiện, hiện đại hóa hồ sơ, bản đồ địa giới hành chính và xây dựng cơ sở dữ liệu về địa giới hành chính";
- Quyết định số 2858/QĐ-BCT ngày 09/11/2020 của Bộ Công thương về việc phê duyệt Quy trình vận hành hồ chứa thủy điện Đắk Kar;
- Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia số 04 - 05 : 2022/BNNPTNT: Công trình thủy lợi - Các quy định chủ yếu về thiết kế của Bộ NN&PTNT ban hành.

2. MỤC ĐÍCH XÂY DỰNG PHƯƠNG ÁN

- Công ty xây dựng phương án để cấm mốc xác định hành lang bảo vệ nguồn nước đối với hồ chứa thủy điện Đăk Kar theo Nghị định số 53/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ trên địa bàn xã Thọ Sơn, tỉnh Đồng Nai.
- Cấm mốc xác định hành lang bảo vệ nguồn nước đối với hồ chứa thủy điện Đăk Kar theo Nghị định số 53/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ trên địa bàn xã Thọ Sơn, tỉnh Đồng Nai.

3. THÔNG SỐ CƠ BẢN CỦA HỒ CHỨA

3.1 Chủ sở hữu, tổ chức khai thác hồ chứa

- Tên chủ đầu tư: Công ty Cổ phần thủy điện Đăk Kar.
- Tên tổ chức khai thác: Công ty CP thủy điện Đăk Kar.
- Địa chỉ: Số 88 đường Lê Duẩn, phường Nam Gia Nghĩa, tỉnh Lâm Đồng;
- ĐT: 02613.544443.

3.2 Khái quát về hồ chứa

- Tên hồ chứa: Hồ chứa thủy điện Đăk Kar.
- Dung tích ứng với MNDBT: 11,44 triệu m³.
- Cấp công trình hồ chứa: Cấp II theo Bảng 1 Mục 3 QCVN 04 - 05 : 2012/BNNPTNT.
- Phân loại hồ chứa: Loại lớn theo Khoản 2 Điều 3 Nghị định số 114/2018/NĐ-CP của Chính phủ.
- Nhiệm vụ công trình: Đảm bảo an toàn tuyệt đối cho công trình đầu mối thủy điện Đăk Kar, chủ động đề phòng mọi bất trắc với mọi trận lũ có chu kỳ lặp lại ≤ 500 năm; không được để mực nước hồ Đăk Kar vượt mực nước lũ kiểm tra cao trình 480,18m. Cung cấp điện cho hệ thống điện Quốc gia phục vụ phát triển kinh tế xã hội.
- Địa điểm xây dựng: Trên suối Đăk Kar, nằm ở ranh giới của xã Quảng Tín, tỉnh Lâm Đồng và xã Thọ Sơn, tỉnh Đồng Nai.
- Thời điểm khởi công: Năm 2007.
- Thời điểm đưa hồ chứa vào khai thác: Năm 2020.

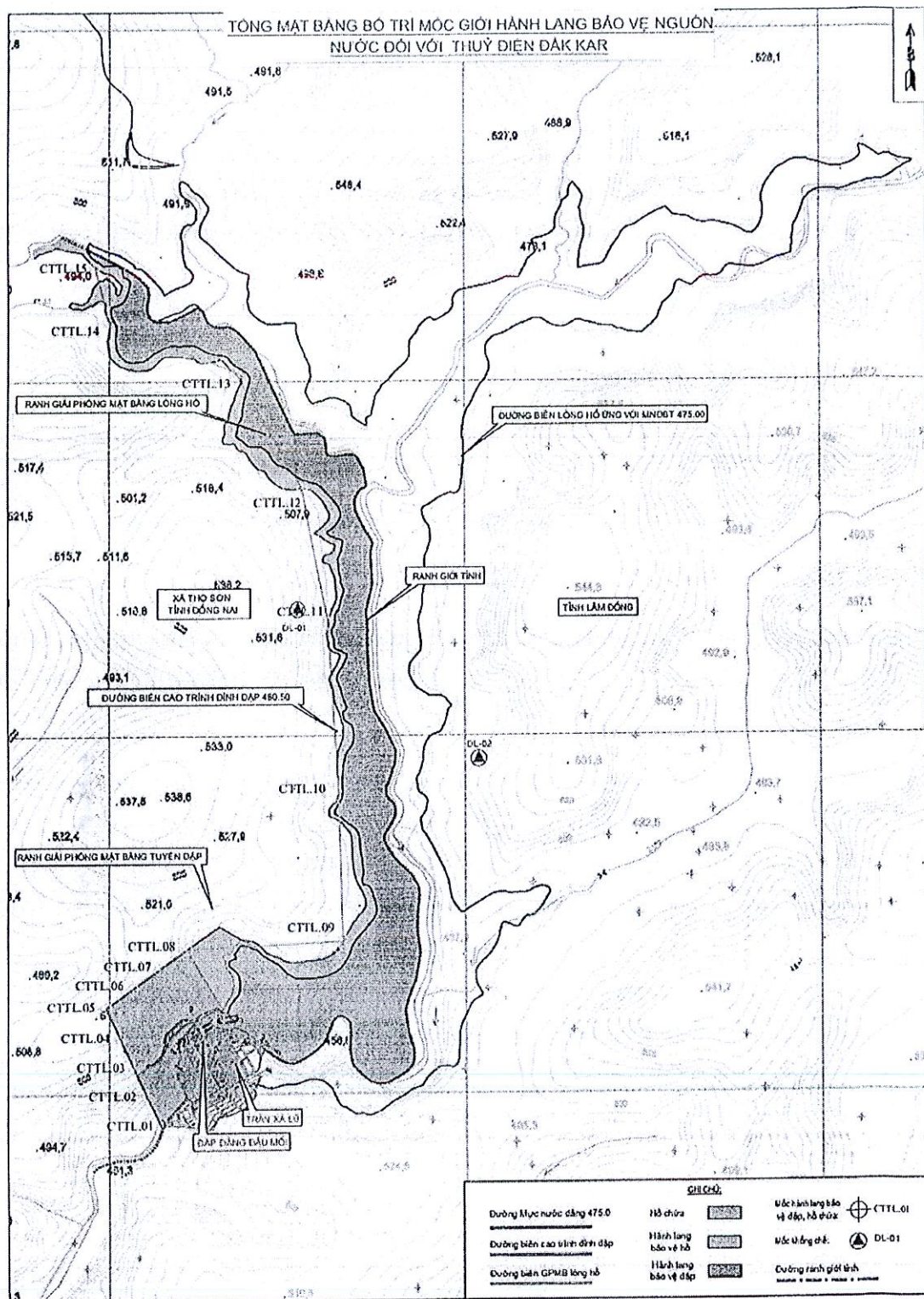
3.3 Thông số cơ bản của hồ chứa

- Mực nước dâng bình thường: 475,0 m
- Mực nước chết: 470,0 m
- Mực nước cao nhất ứng với lũ thiết kế: 477,0 m

- Mức nước cao nhất ứng với lũ kiểm tra: 480,18 m
- Cao trình đỉnh đập: 480,5 m
- Diện tích mặt hồ ứng với MNDBT: 113,12 ha
- Dung tích toàn bộ: 11,44 triệu m³
- Dung tích hữu ích: 4,93 triệu m³
- Dung tích chết: 6,51 triệu m³

4. HIỆN TRẠNG QUẢN LÝ, SỬ DỤNG ĐẤT QUANH HỒ CHỨA

- Trên địa bàn tỉnh Đồng Nai, hồ chứa thủy điện Đắc Kar thuộc xã Thọ Sơn, với diện tích mặt hồ (ứng với MNDBT, ranh giới tính theo Quyết định 513/QĐ-TTg của Chính phủ) là 37,06 ha; diện tích phần xây dựng công trình đập Đắc Kar là 1,42 ha.
- Hiện trạng quản lý, sử dụng đất từ cao trình mực nước dâng bình thường 475,0m xuống phía dưới lòng hồ, đất xây dựng công trình đập Đắc Kar trên địa bàn xã Thọ Sơn, tỉnh Đồng Nai đã được Công ty CP thủy điện Đắc Kar bồi thường, GPMB theo quy định. Hiện tại, diện tích này được Công ty sử dụng để xây dựng đập, tạo hồ chứa nước phục vụ phát điện.
- Quyền sử dụng đất trong phạm vi cấm mốc từ đường biên có cao trình bằng cao trình đỉnh đập đến đường biên có cao trình bằng cao trình giải phóng mặt bằng lòng hồ là của hộ dân và tổ chức (không thuộc quyền sử dụng đất của Công ty Cổ phần thủy điện Đắc Kar).



Hình 1: Mặt bằng đập, hồ chứa thủy điện Đắk Kar trên địa bàn xã Thọ Sơn, tỉnh Đồng Nai.

5. XÁC ĐỊNH PHẠM VI CỤ THỂ CỦA HÀNH LANG BẢO VỆ NGUỒN NƯỚC ĐỐI VỚI ĐẬP, HỒ CHỨA TRÊN SƠ ĐỒ MẶT BẰNG

5.1 Căn cứ xác định hành lang bảo vệ nguồn nước đối với đập, hồ chứa thủy điện Đăk Kar:

- Căn cứ Khoản 2 Điều 23 Nghị định 53/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ để xác định phạm vi hành lang bảo vệ nguồn nước đối với hồ chứa Đăk Kar (áp dụng với hồ có dung tích >10 triệu m³ nhưng nằm ở xa địa bàn dân cư tập trung, địa bàn có công trình quốc phòng, an ninh) là vùng tính từ đường biên có cao trình bằng cao trình đỉnh đập đến đường biên có cao trình bằng cao trình giải phóng mặt bằng lòng hồ.
- Căn cứ Điểm a Khoản 3 Điều 21 Nghị định số 114/2018/NĐ-CP, vùng phụ cận của đập Đăk Kar (cấp II) có phạm vi được tính từ chân đập trở ra tối thiểu là 100 m.

5.2 Hành lang và ranh giới cấm mốc giới bảo vệ đối với đập, hồ chứa thủy điện Đăk Kar:

- Căn cứ vào các quy định nêu trên, Công ty kiến nghị áp dụng hành lang bảo vệ đối với đập, hồ chứa thủy điện Đăk Kar như sau:
 - ✓ Hành lang bảo vệ nguồn nước đối với đập Đăk Kar là vùng tính từ đường biên chân đập trở ra 100m. Diện tích hành lang bảo vệ đập là 7,26 ha.
 - ✓ Hành lang bảo vệ nguồn nước đối với hồ chứa Đăk Kar là vùng tính từ đường biên có cao trình bằng cao trình đỉnh đập xuống đến đường biên có cao trình bằng cao trình giải phóng mặt bằng lòng hồ. Diện tích hành lang bảo vệ hồ chứa là 8,68 ha.
 - ✓ Tổng diện tích hành lang bảo vệ nguồn nước đối với đập, hồ chứa thủy điện Đăk Kar trên địa bàn xã Thọ Sơn, tỉnh Đồng Nai là 15,94 ha.
- Ranh giới cấm mốc bảo vệ nguồn nước đối với đập, hồ chứa Đăk Kar: Đường biên từ chân đập trở ra 100m và đường biên có cao trình bằng cao trình đỉnh đập. Phạm vi cấm mốc chi tiết xem bản đồ đính kèm phương án.

6. TỌA ĐỘ, ĐỊA DANH HÀNH CHÍNH CỦA CÁC MỐC GIỚI, KHOẢNG CÁCH CỦA CÁC MỐC GIỚI TRÊN BẢN ĐỒ ĐỊA HÌNH TỶ LỆ 1/10.000

6.1 Tọa độ, địa danh hành chính của mốc giới:

Tọa độ, địa danh hành chính các mốc giới bảo vệ nguồn nước đối với đập, hồ chứa thủy điện Đăk Kar được Công ty liệt kê trong Phụ lục kèm theo phương án.

6.2 Vị trí xây dựng mốc giới:

Mốc nằm trên địa bàn xã Thọ Sơn, tỉnh Đồng Nai.

6.3 Khoảng cách của các mốc giới:

- Căn cứ Khoản 2 Điều 20 Thông tư 05/2018/TT-BNNPTNT ngày 15 tháng 05 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi năm 2018, Công ty bố trí cấm mốc giới bảo vệ nguồn nước đối với đập, hồ chứa thủy điện ĐăkKar như sau:

- ✓ Mốc bảo vệ nguồn nước đối với đập: Khoảng cách giữa hai mốc liền nhau tối đa 100 m
- ✓ Mốc bảo vệ nguồn nước đối với hồ chứa: Khoảng cách giữa hai mốc liền nhau tối đa 500 m.
- Xem bản vẽ bố trí cắm mốc giới bảo vệ nguồn nước đối với đập, hồ chứa thủy điện Đăk Kar kèm theo phương án.

7. PHƯƠNG ÁN HUY ĐỘNG NHÂN LỰC, VẬT TƯ, VẬT LIỆU, THI CÔNG, GIẢI PHÓNG MẶT BẰNG TRÊN THỰC ĐỊA

7.1 Phương án giải phóng mặt bằng:

Tại các vị trí cắm mốc với kích thước (0,5m x 0,5m) Công ty tiến hành thỏa thuận, đền bù với các hộ dân theo đúng quy định của Luật Đất đai.

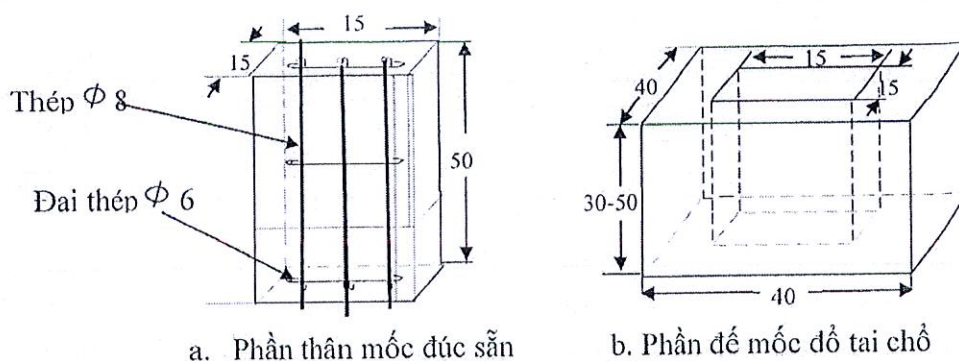
7.2 Phương án huy động nhân lực, vật tư, vật liệu, thi công:

a. Biện pháp thi công cắm mốc ngoài thực địa:

- Lập lưới khống chế: Công ty sử dụng hệ thống mốc tọa độ quốc gia trong khu vực, mốc đường chuyền trong giai đoạn giải phóng mặt bằng dự án làm cơ sở để đưa mốc thiết kế ra thực địa.
- Phương pháp xác định mốc ngoài thực địa: Dựa trên các mốc cơ sở đã lập sử dụng phương pháp toàn đạc, phương pháp đo GPS, hoặc giao hội góc – cạnh để đưa mốc thiết kế ra thực địa. Mốc được xây dựng trên hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục $107^{\circ}45'$, múi chiều 3° .
- Trường hợp vị trí cắm mốc ngoài thực địa nằm trên đường giao thông, sông suối... sẽ tiến hành chuyển tọa độ ra các cọc phụ, ghi rõ hướng, khoảng cách từ cọc phụ đến cọc chính trong biên bản bàn giao. Trường hợp không thể cắm mốc trực tiếp theo vị trí đã duyệt, phải điều chỉnh vị trí mới cho phù hợp với điều kiện thực tế và đảm bảo hành lang bảo vệ nguồn nước đối với đập, hồ chứa theo quy định.
- Sau khi đã định vị vị trí mốc, Công ty cắm mốc theo đúng quy chuẩn và bàn giao về địa phương quản lý theo quy định.

b. Quy định về cột mốc:

- Mốc được xây dựng theo Khoản 1 Điều 20 Thông tư 05/2018/TT-BNNPTNT như sau: Cột mốc bao gồm thân mốc và đế mốc: Thân mốc bằng bê tông cốt thép mác 200 đúc sẵn, mặt cắt ngang thân mốc hình vuông, kích thước 15x15 cm. Đế mốc bằng bê tông mác 200 đổ tại chỗ, kích thước mặt cắt ngang 40x40 cm, mặt trên đế mốc bằng mặt đất tự nhiên, chiều sâu từ 30-50 cm tùy thuộc vào địa hình khu vực cắm mốc.
- Thân mốc nhô lên khỏi mặt đất tự nhiên 50 cm. Phần trên cùng cao 10 cm từ đỉnh cột trở xuống sơn màu đỏ, phần còn lại sơn màu trắng. Trên thân mốc có ký hiệu CTTL và được đánh số hiệu chi tiết CTTL.01 đến CTTL.15, chữ số được ghi bằng chữ in hoa đều nét, khắc chìm, tô bằng sơn đỏ.



Hình 2: Cấu tạo cột mốc bảo vệ đập, hồ chứa thủy điện Đăk Kar

c. Phương án huy động nhân lực, vật tư, vật liệu:

Sau khi phương án cắm mốc được UBND tỉnh Đồng Nai phê duyệt, Công ty tiến hành phương án thi công như sau:

- Cán bộ kỹ thuật của Công ty sử dụng máy toàn đạc, máy thủy bình, máy định vị GPS (2 tần số) định vị mốc ngoài thực địa theo tọa độ mốc được duyệt. Quá trình thực hiện tuân thủ các yêu cầu kỹ thuật của chuyên ngành trắc địa.
- Phân xưởng Sửa chữa Công ty huy động nhân sự từ 7-10 người vận chuyển vật liệu đến bãi tập kết bằng xe tải nhẹ hoặc xe thô sơ, tiến hành đúc sẵn cột mốc theo đúng quy cách. Trường hợp mua cột mốc đã đúc sẵn phải đảm bảo chất lượng theo quy định.
- Khi bê tông đã đủ thời gian đông cứng, vận chuyển mốc đúc sẵn đến vị trí xây dựng bằng xe máy, xuống, ca nô hoặc vận chuyển bằng thủ công.
- Sau khi vận chuyển các mốc đúc sẵn đến vị trí cần xây dựng, tiến hành đào đế mốc, đổ bê tông và lắp đặt phần thân mốc theo đúng vị trí đã đánh dấu. Phần đế mốc được chôn dưới đất sâu từ 30 – 50cm, phần mốc trên mặt đất cao 50cm, mặt mốc được sơn đỏ để dễ nhận biết.
- Đối với khu vực xây dựng mốc có địa hình dốc, cây cối rậm rạp, cần phát quang hay đào nền cho bằng phẳng để phục vụ thi công.
- Hai ngày sau khi mốc được xây dựng, tiến hành sơn và đánh số hiệu mốc theo quy định.

8. TIẾN ĐỘ CẮM MỐC, BÀN GIAO MỐC GIỚI, KINH PHÍ THỰC HIỆN

8.1 Tiến độ cắm mốc, bàn giao mốc giới:

Theo Khoản 5 Điều 24 Nghị định số 114/2018/NĐ-CP quy định như sau:

- Ngay sau khi phương án cấm mốc chỉ giới được phê duyệt, chủ sở hữu đập, hồ chứa thủy điện có trách nhiệm chủ trì và phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã nơi xây dựng công trình để tổ chức cấm mốc giới theo phương án được duyệt;
- Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày hoàn thành việc cấm mốc, chủ sở hữu đập, hồ chứa thủy điện có trách nhiệm bàn giao mốc giới cho Ủy ban nhân dân cấp xã nơi xây dựng đập quản lý;
- Trường hợp mốc chỉ giới bị mất hoặc hư hỏng, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có mốc giới bị mất hoặc hư hỏng phải thông báo cho chủ sở hữu đập, hồ chứa thủy điện biết để thay thế.

Công ty dự kiến thời gian cấm mốc, bàn giao mốc giới bảo vệ đập, hồ chứa thủy điện Đăk Kar là 40 ngày (không tính ngày lễ, T7, CN) sau khi có quyết định phê duyệt của UBND tỉnh Đồng Nai.

8.2 Kinh phí thực hiện:

Lấy từ nguồn tài chính phục vụ công tác quản lý, vận hành dự án thủy điện Đăk Kar.

9. KẾT LUẬN:

Trách nhiệm của Công ty và chính quyền địa phương trong quản lý, bảo vệ mốc chỉ giới hành lang bảo vệ nguồn nước đối với đập, hồ chứa thủy điện Đăk Kar được quy định như sau:

- Trách nhiệm của Công ty CP thủy điện Đăk Kar:
 - ✓ Đảm bảo các mốc được xây dựng theo đúng vị trí và có tọa độ đính kèm khi bàn giao;
 - ✓ Phối hợp với địa phương bàn giao và bảo quản các mốc giới. Theo dõi các hoạt động trong hành lang bảo vệ hồ chứa thủy điện Đăk Kar;
- Trách nhiệm của UBND cấp xã:
 - ✓ Nhận bàn giao mốc giới và quản lý, bảo vệ mốc hành lang bảo vệ nguồn nước đối với đập, hồ chứa thủy điện Đăk Kar theo đúng quy định.

Sau khi mốc chỉ giới được bàn giao cho địa phương, nếu trường hợp địa phương hoặc Công ty phát hiện mốc bị mất hoặc hư hỏng thì phải thông báo cho bên còn lại biết để phối hợp khôi phục lại. Trong trường hợp này, Công ty Cổ phần thủy điện Đăk Kar có trách nhiệm xây dựng lại mốc.

Với Phương án cấm mốc giới hành lang bảo vệ nguồn nước đối với đập, hồ chứa thủy điện Đăk Kar (áp dụng trên địa bàn xã Thọ Sơn, tỉnh Đồng Nai) đã đề ra, Công ty CP thủy điện Đăk Kar kính đề nghị Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh

Đồng Nai xem xét thẩm định, trình UBND tỉnh Đồng Nai phê duyệt để Công ty chúng tôi có cơ sở thực hiện.

CÔNG TY CP THỦY ĐIỆN ĐẮK KAR



TỔNG GIÁM ĐỐC

Trần Công Yên

PHỤ LỤC

Bảng thống kê toạ độ theo hệ toạ độ VN2000 kinh tuyến trực $107^{\circ}45'$, múi
chiều 3° ; địa danh hành chính các mốc giới bảo vệ nguồn nước đối với đập, hồ
chứa thủy điện Đắk Kar trên địa bàn xã Thọ Sơn, tỉnh Đồng Nai
(Kèm theo Phương án cắm mốc giới hành lang bảo vệ nguồn nước đối với đập,
hồ chứa thủy điện Đắk Kar)

STT	Tên cọc	Toạ độ (VN 2000, kinh tuyến trực $107^{\circ}45'$, múi chiều 3°)		Khoảng cách (m)	Địa danh hành chính
		X	Y		
1	CTTL.01	1309686.24	463931.96		Xã Thọ Sơn
2	CTTL.02	1309771.28	463892.02	93.97	Xã Thọ Sơn
3	CTTL.03	1309856.35	463852.08	94.00	Xã Thọ Sơn
4	CTTL.04	1309941.43	463812.14	94.00	Xã Thọ Sơn
5	CTTL.05	1310026.50	463772.19	94.00	Xã Thọ Sơn
6	CTTL.06	1310081.36	463849.39	94.73	Xã Thọ Sơn
7	CTTL.07	1310135.22	463925.19	93.00	Xã Thọ Sơn
8	CTTL.08	1310189.08	464000.98	93.00	Xã Thọ Sơn
9	CTTL.09	1310207.44	464433.06	432.55	Xã Thọ Sơn
10	CTTL.10	1310640.73	464422.31	433.50	Xã Thọ Sơn
11	CTTL.11	1311105.30	464399.55	465.21	Xã Thọ Sơn
12	CTTL.12	1311478.24	464329.39	379.56	Xã Thọ Sơn
13	CTTL.13	1311809.29	464142.59	380.18	Xã Thọ Sơn
14	CTTL.14	1311958.55	463790.06	382.90	Xã Thọ Sơn
15	CTTL.15	1312111.86	463754.67	157.37	Xã Thọ Sơn

HỒ SƠ ĐÌNH KÈM PHƯƠNG ÁN

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH PHƯỚC

Số: 2279/QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đồng Xoài, ngày 29 tháng 9 năm 2010

QUYẾT ĐỊNH

Về việc thu hồi đất Nông lâm trường Cao su Đồng Nai – Công ty TNHH MTV Cao su Phú Riềng quản lý, giao đất, cho thuê đất và cấp GCNQSD đất cho Công ty Cổ phần Thủy điện Đăk Kar để xây dựng công trình thủy điện Đăk Kar.

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 26/11/2003;

Căn cứ Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ về thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 88/2009/NĐ-CP ngày 19/10/2009 của Chính phủ về cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 51/TTr-STNMT ngày 01/02/2010, Công văn số 838/STNMT-QHKH ngày 21/9/2010,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thu hồi 905.457,9 m² (Chín trăm lẻ năm nghìn bốn trăm năm mươi bảy phẩy chín mét vuông) đất lâm nghiệp Nông lâm trường Cao su Đồng Nai – Công ty TNHH MTV Cao su Phú Riềng quản lý, giao đất, cho thuê đất và cấp GCNQSD đất với diện tích thu hồi nêu trên cho Công ty Cổ phần Thủy điện Đăk Kar để xây dựng công trình thủy điện Đăk Kar, cụ thể như sau:

1. Giao đất với diện tích 561.775,6 m² (Năm trăm sáu mươi một nghìn bảy trăm bảy mươi lăm phẩy sáu mét vuông) để quản lý vùng ngập của thủy điện Đăk Kar, tại xã Phú Sơn, huyện Bù Đăng.

2. Cho thuê đất và cấp GCNQSD đất với diện tích 343.682,3 m² (Ba trăm bốn mươi ba nghìn sáu trăm tám mươi hai phẩy ba mét vuông) để xây dựng Nhà máy và các công trình phụ trợ, trong đó tại xã Phú Sơn, huyện Bù Đăng: 148.422,8 m², tại xã Đồng Nai, huyện Bù Đăng: 195.259,5 m².

- Vị trí và ranh giới khu đất: được xác định theo 5 tờ bản đồ địa chính tỷ lệ 1/2.000 do Trung tâm Kỹ thuật Địa chính tỉnh Bình Phước thực hiện ngày 23/12/2009 và 1 tờ bản đồ địa chính tỷ lệ 1/1.000 do Công ty TNHH MTV Đo đạc Bản đồ Số 1 thực hiện ngày 06/7/2009;

- Mục đích sử dụng: đất công trình năng lượng;

- Thời hạn sử dụng đất: 50 năm, kể từ ngày ký Quyết định giao đất, cho thuê đất;

- Giá thuê đất: do Sở Tài chính xác định;

- Nguồn gốc đất: do Ban QL.RPH Đồng Nai (nay là Nông Lâm trường Cao su Đồng Nai -- Công ty TNHH MTV Cao su Phú Riềng) quản lý, đã được UBND tỉnh giao đất và cấp GCNQSD đất theo Quyết định số 396/QĐ-UB ngày 19/3/2003.

Điều 2. Sau khi có Quyết định giao đất, cho thuê đất và cấp GCNQSD đất, Công ty Cổ phần Thủy điện Đăk Kar có trách nhiệm:

Đến Sở Tài nguyên và Môi trường ký Hợp đồng thuê đất, chấp hành đúng các quy định về quản lý và sử dụng đất;

- Nộp các khoản lệ phí và tiền thuê đất theo quy định; đồng thời, đến UBND xã Phú Sơn, UBND xã Đồng Nai, huyện Bù Đăng để đăng ký biến động sử dụng đất;

- Triển khai thực hiện dự án theo đúng quy định, nếu đất được giao, được thuê sử dụng mà vi phạm một trong các khoản quy định tại Điều 38 của Luật Đất đai năm 2003 thì sẽ bị thu hồi đất.

Điều 3. Giao Sở Nông nghiệp và PTNT hướng dẫn Công ty TNHH MTV Cao su Phú Riềng hoàn tất công tác khai thác, tận thu lâm sản trong vùng quy hoạch và bàn giao diện tích, ranh giới đất cụ thể ngoài thực địa cho Công ty Cổ phần Thủy điện Đăk Kar để triển khai thực hiện dự án.

Điều 4. Các ông (bà) Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Thủ trưởng các Sở, ngành Tài nguyên và Môi trường, Nông nghiệp và PTNT, Công Thương, Tài chính, Cục Thuế, Chủ tịch UBND huyện Bù Đăng, Chủ tịch UBND xã Phú Sơn, Chủ tịch UBND xã Đồng Nai, Tổng Giám đốc Công ty TNHH MTV Cao su Phú Riềng, Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy điện Đăk Kar và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này, kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- CT, PCT.
- Như điều 4.
- LĐVP, CV: P. SX (T352).
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

M. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Văn Danh

BỘ CÔNG THƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



Ký bởi: Bộ Công Thương
Cơ quan: Bộ Công Thương
Thời gian ký: 09/11/2020 16:00

Số: 2858/QĐ-BCT

Hà Nội, ngày 09 tháng 11 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Quy trình vận hành hồ chứa thủy điện Đăk Kar

BỘ TRƯỞNG BỘ CÔNG THƯƠNG

Căn cứ Nghị định số 98/2017/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;

Căn cứ Nghị định số 114/2007/NĐ-CP ngày 04 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước;

Căn cứ Quyết định số 1898/QĐ-TTg ngày 25 tháng 12 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy trình vận hành liên hồ chứa trên lưu vực sông Đồng Nai;

Căn cứ Thông tư số 09/2019/TT-BCT ngày 08 tháng 7 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về quản lý an toàn đập, hồ chứa thủy điện;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Kỹ thuật an toàn và Môi trường công nghiệp,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy trình vận hành hồ chứa thủy điện Đăk Kar.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, Cục trưởng các Cục: Kỹ thuật an toàn và Môi trường công nghiệp, Điện lực và Năng lượng tái tạo, Điều tiết Điện lực; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh Bình Phước, Đắk Nông, Trưởng ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn các tỉnh Bình Phước, Đắk Nông, Giám đốc Sở Công Thương các tỉnh Bình Phước, Đắk Nông, Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Thủy điện Đăk Kar và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *ST*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, ATMT.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG



Hoàng Quốc Vượng

PHỤ LỤC 1
THÔNG SỐ KỸ THUẬT CHÍNH
CỦA CÔNG TRÌNH THỦY ĐIỆN ĐẮK KAR
(Ban hành kèm theo Quyết định số 2 8 5 8 /QĐ-BCT
ngày 09 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

STT	Thông số	Đơn vị	Trị số
I	Thông số hồ chứa		
1.	Diện tích lưu vực	km ²	108
2.	Lưu lượng trung bình năm Q(o)	m ³ /s	5,76
3.	Lưu lượng đỉnh lũ kiểm tra P=0,2%	m ³ /s	1080
4.	Lưu lượng đỉnh lũ thiết kế P=1,0%	m ³ /s	701
5.	Mực nước dâng bình thường MNDBT	m	475,00
6.	Mực nước chết MNC	m	470,00
7.	Mực nước lũ kiểm tra P=0,2%	m	480,18
8.	Mực nước lũ thiết kế P=1,0%	m	477,00
9.	Diện tích mặt hồ ở MNGC	ha	123,82
10.	Diện tích mặt hồ ở MNDBT	ha	113,12
11.	Diện tích mặt hồ ở MNC	ha	83,62
12.	Dung tích toàn phần W _{tbp}	10 ⁶ m ³	11,44
13.	Dung tích hữu ích W _{hi}	10 ⁶ m ³	4,93
14.	Dung tích chết W _{ch}	10 ⁶ m ³	6,51
II	Đập dâng lòng sông vai phải		
1.	Kết cấu đập		Đập đất đồng chất
2.	Chiều dài đập	m	200,68
3.	Cao trình đỉnh đập	m	480,50
4.	Chiều cao đập lớn nhất	m	37,95
III	Đập dâng vai trái		
1.	Kết cấu đập		Đập bê tông trọng lực
2.	Chiều dài đập	m	22,0
3.	Cao trình đỉnh đập, tính đến đỉnh tường chắn sóng	m	480,50

STT	Thông số	Đơn vị	Trị số
4.	Chiều cao đập lớn nhất	m	19,5
IV	Đập tràn cửa van (vai trái đập dâng)		
1.	Hình thức tràn		Thực dụng có cửa van
2.	Kích thước thông thủy cửa van nx(BxH)	m	2x(6x8)
3.	Cao độ ngưỡng tràn	m	467,0
4.	Bề rộng tràn kể cả trụ pin	m	14,5
5.	Chiều cao đập tràn lớn nhất	m	23,06
6.	Lưu lượng xả tràn Q _x : MNLTk ứng với Q _{1%} = 701.0m ³ /s : 477.0m	m ³ /s	669,00
7.	Lưu lượng xả tràn Q _x : MNLTk ứng với Q _{0.2%} = 1080.0m ³ /s: 480.18m	m ³ /s	1025,0
8.	Thiết bị nâng hạ cửa van		Tời máy đóng mở
9.	Chiều dài dốc nước	m	98
10.	Độ dốc dốc nước	%	0,103
11.	Chiều rộng dốc nước	m	14,5
12.	Cao trình mũi phun	m	451,55
13.	Hình thức tiêu năng		Mũi phun
14.	Chiều rộng bể	m	31
15.	Chiều dài bể	m	62
16.	Cao trình đáy bể	m	433,50
V	Cống xả cát		
1.	Loại		Cống BTCT
2.	Kích thước cống tròn ĐK 1.4m (nx BxH)	m	1 x 1,4 x 1,4
3.	Cao trình ngưỡng vào cửa cống		450,0
4.	Thiết bị đóng mở		Van đĩa hạ lưu
VI	Cửa lấy nước		
1.	Số lượng khoang		1
2.	Cao trình đỉnh cửa lấy nước	m	478,30
3.	Cao độ ngưỡng cửa lấy nước	m	463,00

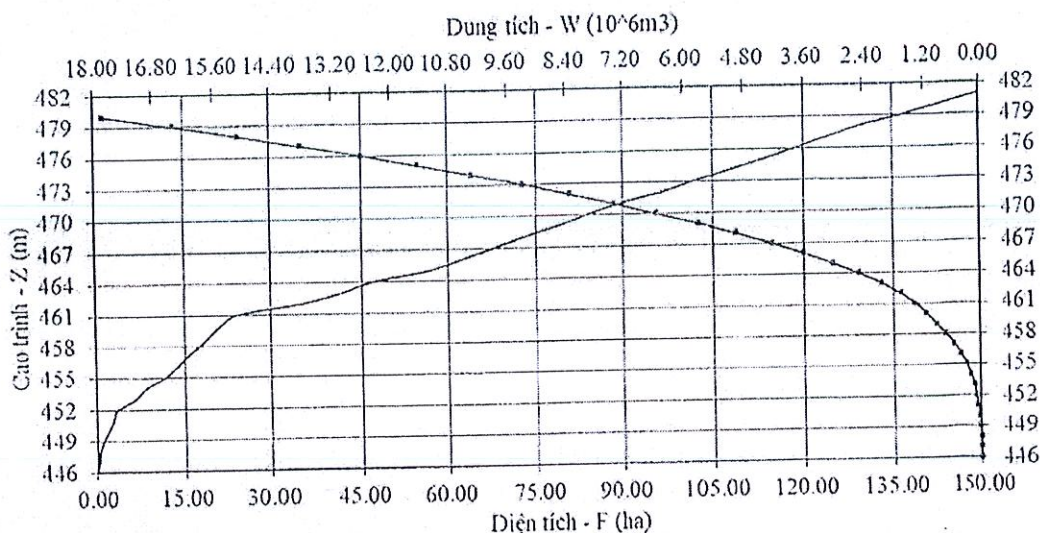
STT	Thông số	Đơn vị	Trị số
4.	Kích thước thông thủy b _{xh}	m	2,3x2,3
5.	Kích thước lưới chắn rác (BxH)	m	6 x 7,5
6.	Kích thước cửa van(B x H)	m	2,7x2,3
7.	Lưu lượng thiết kế	m ³ /s	8,51
8.	Thiết bị nâng hạ cửa van		Máy đóng mở
9.	Cột nước thiết kế (H _{tt})	m	165,95
10.	Công suất lắp máy	MW	12
11.	Số tổ máy	Tổ	03
12.	Điện lượng bình quân nhiều năm E ₀	10 ⁶ kWh	51,08
13.	Kiểu tuabin	-	Francis

PHỤ LỤC 2
SỐ LIỆU VÀ BIỂU ĐỒ ĐẶC TRƯNG QUAN HỆ HỒ CHỨA
(Ban hành kèm theo Quyết định số 2 8 5 8 /QĐ-BCT
ngày 09 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

Quan hệ W~F~Z hồ chứa

Z (m)	446.00	447.00	448.00	449.00	450.00	451.00	452.00	453.00	454.00
F (ha)	0.00	0.35	0.55	1.16	2.10	2.93	3.58	6.67	8.38
W (10 ⁶ m ³)	0.00	0.00	0.01	0.01	0.03	0.06	0.09	0.14	0.22
Z (m)	455.00	456.00	457.00	458.00	459.00	460.00	461.00	462.00	463.00
F (ha)	11.55	13.60	15.56	17.42	19.30	21.24	24.03	34.74	41.67
W (10 ⁶ m ³)	0.32	0.44	0.59	0.75	0.94	1.14	1.36	1.66	2.04
Z (m)	464.00	465.00	466.00	467.00	468.00	469.00	470.00	471.00	472.00
F (ha)	46.86	56.62	62.17	67.49	72.52	78.44	83.62	89.31	96.02
W (10 ⁶ m ³)	2.48	3.00	3.59	4.24	4.94	5.70	6.51	7.37	8.30
Z (m)	473.00	474.00	475.00	476.00	477.00	478.00	479.00	480.00	481.00
F (ha)	101.55	107.56	113.12	118.51	123.82	129.18	136.24	142.89	149.96
W (10 ⁶ m ³)	9.29	10.33	11.44	12.59	13.81	15.07	16.40	17.79	19.26

Biểu đồ đặc tính lòng hồ thủy điện



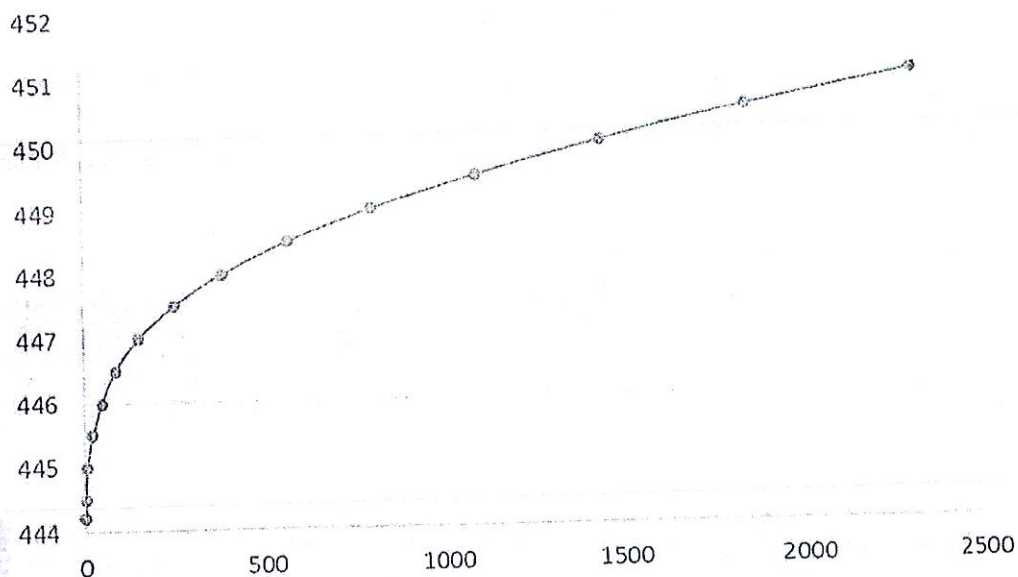
Trong đó: Z - là mực nước hồ

F - là diện tích mặt hồ ứng với mực nước Z

W - là dung tích hồ ứng với mực nước Z

PHỤ LỤC 3
SỐ LIỆU VÀ BIỂU ĐỒ QUAN HỆ LƯU LƯỢNG - MỨC NƯỚC HẠ LƯU ĐẬP
(Ban hành kèm theo Quyết định số 2 8 5 8 /QĐ-BCT
ngày 09 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

$Q=f(H)$ tuyến đập

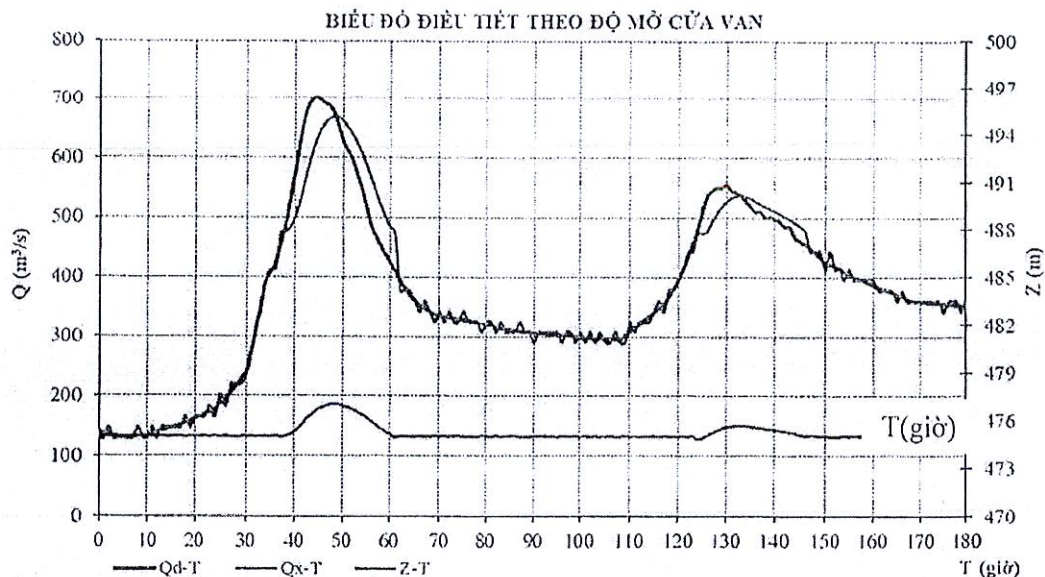


Quan hệ giữa lưu lượng và mực nước hạ lưu sau đập (Q-Z_{hl}):

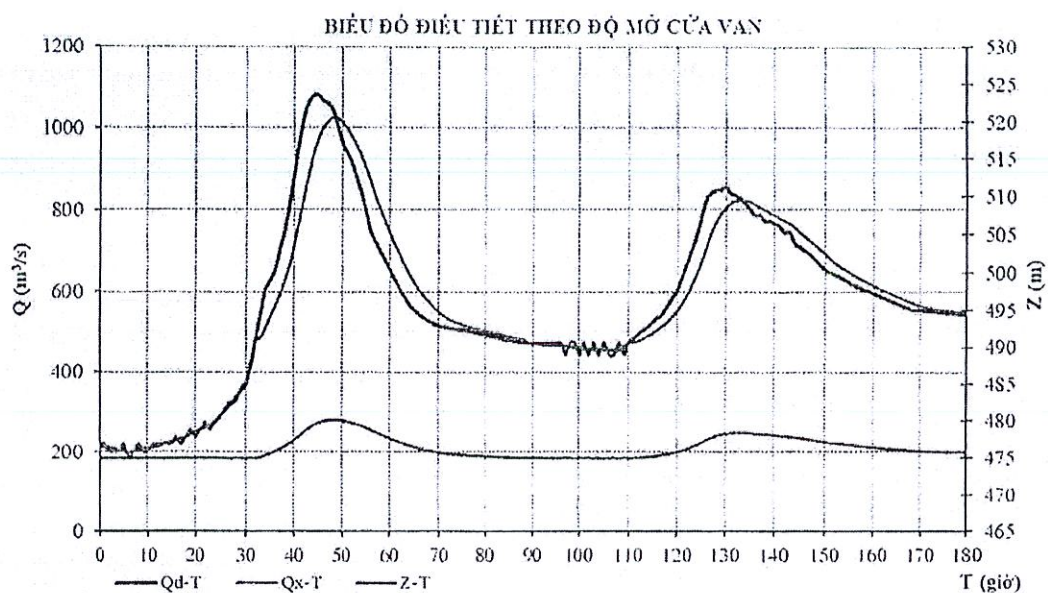
Z _{hl} (m)	444.22	444.5	445	445.5	446	446.5	447
Q (m³/s)	0	0.351	5.315	20.539	49.396	88.756	150.551
Z _{hl} (m)	447.5	448	448.5	449	449.5	450	450.5
Q (m³/s)	248.239	382.133	566.288	796.203	1,092.42	1,442.80	1,842.78

PHỤ LỤC 4
BIỂU ĐỒ ĐIỀU TIẾT LŨ THIẾT KẾ, KIỂM TRA
(Ban hành kèm theo Quyết định số 2 8 5 8 /QĐ-BCT
ngày 09 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

Kết quả điều tiết lũ thiết kế ($P = 1.0\%$)



Kết quả điều tiết lũ kiểm tra ($P = 0,2\%$)



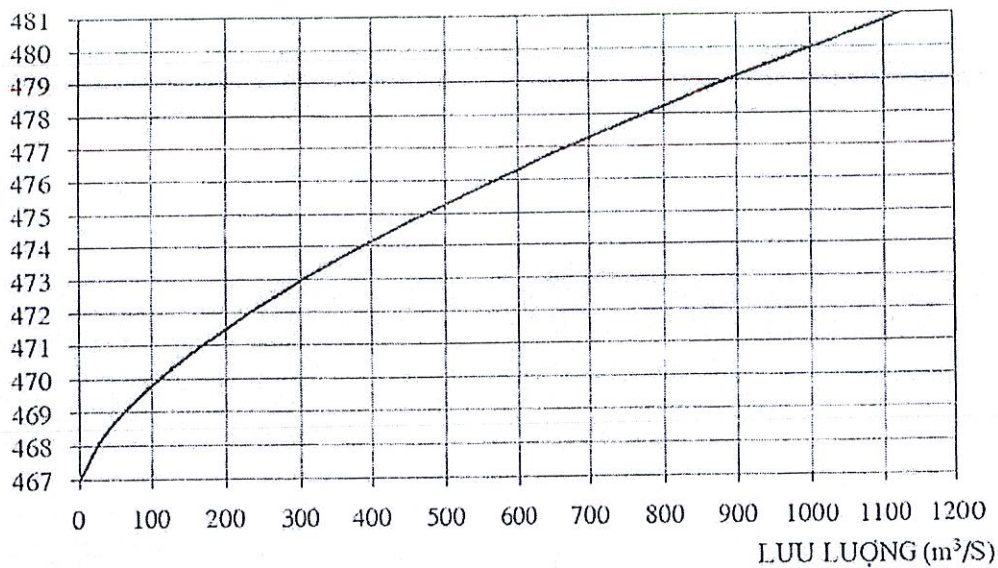
PHỤ LỤC 5

QUAN HỆ GIỮA MỨC NƯỚC VÀ LƯU LƯỢNG XẢ TRÀN
THỦY ĐIỆN ĐẮK KAR KHI CÁC CỬA VAN MỞ HOÀN TOÀN

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2 8 5 8 /QĐ-BCT
ngày 09 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

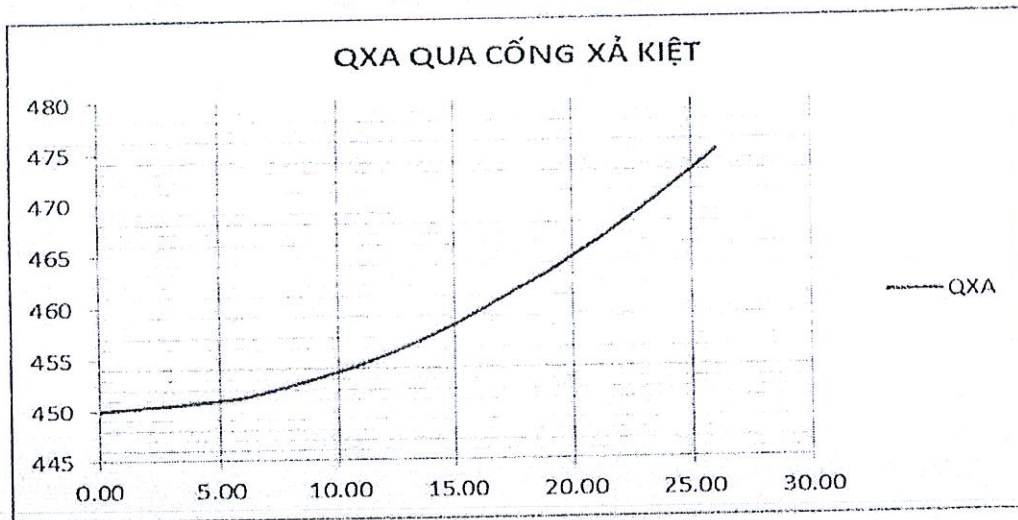
Đồ thị quan hệ khả năng xả

CAO TRÌNH (Z)



PHỤ LỤC 6
KHẢ NĂNG XẢ QUÁ CỒNG XẢ CÁT MỖ HOÀN TOÀN
ỨNG VỚI CÁC MỨC NƯỚC THƯỢNG LƯU

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2858/QĐ-BCT
ngày 09 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Công Thương)



Bảng tính toán khả năng xả qua cống xả kiệt.

[illegible]

QUY TRÌNH

Vận hành hồ chứa thủy điện Đắk Kar

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2 8 5 8 /QĐ-BCT
ngày 09 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy định về vận hành, điều tiết hồ chứa nước thủy điện Đắk Kar, xã Hưng Bình, xã Đắk Ru, huyện Đắk R'Lấp, tỉnh Đắk Nông và xã Phú Sơn, xã Đồng Nai, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

2. Đối tượng áp dụng: Áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia vận hành, điều tiết và các hoạt động khác có liên quan đến quy trình vận hành, điều tiết hồ chứa thủy điện Đắk Kar.

Điều 2. Cơ sở pháp lý để xây dựng quy trình.

Mọi hoạt động liên quan đến việc quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy điện Đắk Kar phải tuân thủ:

1. Luật Phòng, chống thiên tai số 33/2013/QH13 ngày 19 tháng 6 năm 2013 của Quốc hội.

2. Luật Tài nguyên nước số 17/2012/QH13 ngày 21 tháng 6 năm 2012 của Quốc hội.

3. Luật Khí tượng thủy văn số 90/2015/QH13 ngày 23 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội.

4. Luật Bảo vệ môi trường số 55/2014/QH13 ngày 23 tháng 6 năm 2014 của Quốc hội.

5. Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2017 của Quốc hội.

6. Luật số 60/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020 của Quốc hội về sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Đê điều.

7. Nghị định số 160/2018/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai.

8. Nghị định số 112/2008/NĐ-CP ngày 20 tháng 10 năm 2008 của Chính phủ về quản lý, bảo vệ, khai thác tổng hợp tài nguyên và môi trường các hồ chứa thủy điện, thủy lợi.

9. Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước.

10. Nghị định số 43/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ quy định lập, quản lý hành lang bảo vệ nguồn nước.

11. Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng.

12. Nghị định số 38/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khí tượng thủy văn.

13. Nghị định 67/2018/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2018 của Thủ Tướng Chính phủ về Quy định chi tiết một số điều của luật Thủy lợi.

14. Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04 tháng 9 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước.

15. Quyết định số 03/2020/QĐ-TTg ngày 13 tháng 01 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ quy định về dự báo, cảnh báo và truyền tin thiên tai.

16. Thông tư số 43/2012/TT-BCT ngày 27 tháng 12 năm 2012 của Bộ Công Thương Quy định về Quản lý quy hoạch, Đầu tư xây dựng dự án thủy điện và vận hành khai thác công trình thủy điện.

17. Thông tư số 03/2012/TT-BTNMT ngày 12 tháng 4 năm 2012 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc quản lý, sử dụng đất vùng bán ngập lòng hồ thủy điện, thủy lợi.

18. Thông tư số 47/2017/TT-BTNMT ngày 07 tháng 11 năm 2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về giám sát khai thác, sử dụng tài nguyên nước.

19. Thông tư số 64/2017/TT-BTNMT ngày 22 tháng 12 năm 2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định về xác định dòng chảy tối thiểu trên sông, suối và hạ lưu các hồ chứa, đập dâng.

20. Thông tư số 65/2017/TT-BTNMT ngày 22 tháng 12 năm 2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quy định kỹ thuật xác định dòng chảy tối thiểu trên sông, suối và xây dựng quy trình vận hành liên hồ chứa.

21. Thông tư số 30/2018/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật về quan trắc và cung cấp thông tin, dữ liệu khí tượng thủy văn đối với trạm khí tượng thủy văn chuyên dùng.

22. Thông tư số 09/2019/TT-BCT ngày 08 tháng 7 năm 2019 của Bộ Công Thương quy định về quản lý an toàn đập, hồ chứa thủy điện.

23. Quyết định số 1895/QĐ-TTg ngày 25 tháng 12 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy trình vận hành liên hồ chứa trên lưu vực sông Đồng Nai.

24. Quyết định số 03/2020/QĐ-TTg ngày 13 tháng 01 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ quy định về dự báo, cảnh báo và truyền tin thiên tai.

25. Các văn bản pháp luật và các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia hiện hành khác có liên quan.

Điều 3. Các thông số chính của công trình

1. Tên công trình: Công trình thủy điện Đăk Kar.
2. Địa điểm xây dựng: trên suối Đăk Kar, nằm ở ranh giới của xã Hưng Bình, xã Đăk Ru, huyện Đăk R'Lấp, tỉnh Đăk Nông và xã Phú Sơn, xã Đồng Nai, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.
3. Cấp công trình: Công trình có cấp thiết kế là cấp II theo QCVN 04-05 2012.

4. Thông số kỹ thuật chính công trình thủy điện Đăk Kar:

Công suất lắp máy:	12 MW
Cao trình mực nước dâng bình thường (MNDBT):	475,0 m
Cao trình mực nước chết (MNC):	470,0 m
Cao trình mực nước lũ thiết kế (MNLTk):	477,0 m
Cao trình mực nước lũ kiểm tra (MNLKT):	480,18 m
Dung tích hồ ứng với cao trình MNDBT:	11,436 triệu m ³
Dung tích hồ ứng với cao trình MNLTk:	13,81 triệu m ³
Dung tích hồ ứng với cao trình MNLKT:	18,10 triệu m ³
Dung tích điều tiết (Vhi):	4,93 triệu m ³

Lưu lượng đỉnh lũ thiết kế/ Khả năng xả ứng với cao trình mực nước lũ thiết kế: 701 m³/s / 669 m³/s.

Lưu lượng đỉnh lũ kiểm tra/ Khả năng xả ứng với cao trình mực nước lũ kiểm tra: 1080 m³/s / 1025 m³/s.

Các thông số khác được trình bày tại Phụ lục 1 kèm theo.

Điều 4. Nhiệm vụ công trình theo thứ tự ưu tiên và nguyên tắc vận hành công trình.

Quy trình này áp dụng cho công tác vận hành hồ chứa thủy điện Đăk Kar nhằm đảm bảo các yêu cầu nhiệm vụ công trình theo thứ tự ưu tiên sau:

1. Đảm bảo an toàn công trình

Đảm bảo an toàn tuyệt đối cho công trình đầu mối thủy điện Đăk Kar, chủ động đề phòng mọi bất trắc với mọi trận lũ có chu kỳ lặp lại nhỏ hơn hoặc bằng 500 năm; không được để mực nước hồ Đăk Kar vượt mực nước lũ kiểm tra cao trình 480.18 m.

2. Cung cấp điện cho hệ thống điện Quốc gia phục vụ phát triển kinh tế xã hội.

Điều 5. Phân loại lũ và thời kỳ mùa lũ, mùa kiệt

Thời kỳ mùa lũ, mùa kiệt và phân loại lũ đối với công trình thủy điện Đăk Kar được quy định như sau:

1. Quy định về phân loại lũ:

- a) Lũ nhỏ: Lưu lượng đỉnh lũ từ 100 m³/s đến nhỏ hơn 150 m³/s.
- b) Lũ vừa: Lưu lượng đỉnh lũ từ 150 m³/s đến nhỏ hơn 250 m³/s.
- c) Lũ lớn: Lưu lượng đỉnh lũ từ 250 m³/s đến nhỏ hơn 450 m³/s.

d) Lũ đặc biệt lớn: Lưu lượng đỉnh lũ từ lớn hơn 450 m³/s.

d) Lũ lịch sử là lũ có đỉnh lũ 730 m³/s.

2. Quy định về thời kỳ mùa lũ, mùa kiệt.

a) Mùa lũ từ ngày 01 tháng 7 đến 30 tháng 11 hàng năm.

b) Mùa kiệt từ ngày 01 tháng 12 đến 30 tháng 6 năm sau.

Điều 6. Trình tự, phương thức vận hành cửa van đập tràn

1. Các cửa van được đánh số từ I đến II, thứ tự từ trái sang phải theo hướng nhìn từ thượng lưu.

2. Trình tự mở các cửa van đập tràn được quy định tại Bảng 1, thứ tự mở sau được thực hiện sau khi hoàn thành thứ tự mở trước đó. Trình tự đóng các cửa van được thực hiện ngược với trình tự mở.

Bảng 1. Trình tự mở và khả năng xả tương ứng với độ mở cửa van

Độ mở (m)	Số thứ tự cửa van	
	I	II
0,25	1/15	2/30
0,50	3/41	4/52
0,75	5/62	6/72
1,00	7/82	8/92
1,50	9/111	10/130
2,00	11/148	12/166
2,50	13/184	14/202
3,00	15/220	16/238
3,50	17/256	18/274
4,00	19/291	20/308
4,50	21/325	22/342
5,00	23/360	24/378
5,50	25/396	26/414
Hoàn toàn	27/444	28/474

Điều 7. Vận hành cống xả cát

1. Nguyên tắc cơ bản: Đảm bảo xả bùn, cát lòng hồ khi cần thiết và hạ thấp mực nước hồ trong trường hợp bảo dưỡng, sửa chữa cửa lấy nước.

2. Cống xả cát vận hành xả cát khi lưu lượng nước đến nhiều hơn lưu lượng phát điện max của nhà máy.

3. Mở cửa van sửa chữa sự cố trước, tiếp đến mở cửa van vận hành.

4. Trình tự đóng được thực hiện ngược với trình tự mở, thứ tự đóng cửa van vận hành trước, sau đó đóng van sửa chữa.

5. Cho phép vận hành cửa van cống xả cát khác với quy định tại mục 2, trong trường hợp cần xả nước hạ thấp mực nước hồ để sửa chữa cửa lấy nước và đập tràn hoặc các trường hợp xảy ra sự cố hoặc những tình huống bất thường khác.

Điều 8. Quan trắc, cung cấp thông tin quan trắc khí tượng thủy văn.

1. Công ty Cổ phần Thủy điện Đăk Kar có trách nhiệm thực hiện việc quan trắc, thu thập thông tin, dữ liệu về khí tượng, thủy văn theo quy định tại Nghị định số 38/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Luật Khí tượng thủy văn; khoản 2 Điều 9 Nghị định số 112/2008/NĐ-CP ngày 20 tháng 10 năm 2008 của Chính phủ về quản lý, bảo vệ, khai thác tổng hợp tài nguyên và môi trường các hồ chứa thủy điện, thủy lợi; quan trắc khí tượng thủy văn chuyên dùng theo quy định tại Điều 15 Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước và các văn bản pháp luật hiện hành khác có liên quan.

2. Công ty Cổ phần Thủy điện Đăk Kar phải thực hiện việc quan trắc lượng mưa trên lưu vực, mực nước tại thượng lưu và hạ lưu đập; tính toán lưu lượng đến hồ, lưu lượng xả, lưu lượng qua tua bin; dự tính khả năng gia tăng mực nước hồ theo lưu lượng đến hồ với tần suất ít nhất 4 lần một ngày theo giờ Hà Nội vào 01 giờ, 07 giờ, 13 giờ và 19 giờ trong mùa lũ, 2 lần một ngày vào 07 giờ, 19 giờ trong mùa kiệt. Trường hợp vận hành chống lũ, tần suất quan trắc và tính toán các yếu tố trên tối thiểu một giờ một lần. Khi mực nước hồ bằng hoặc lớn hơn cao trình mực nước lũ thiết kế 477,0 m, tần suất quan trắc, tính toán mực nước tại thượng lưu và hạ lưu đập, lưu lượng đến hồ, lưu lượng xả, lưu lượng qua tua bin; dự tính khả năng gia tăng mực nước hồ theo lưu lượng đến hồ tối thiểu 1 giờ 4 lần.

3. Tổ chức kiểm tra thường xuyên và đánh giá hiện trạng công trình theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 16 Nghị định số 114 ngày 04 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ; Tần suất kiểm tra phải được quy định cụ thể trong Quy trình bảo trì công trình.

4. Thời gian, thông số và các yếu tố phải tiến hành quan trắc, tính toán ứng với các trường hợp vận hành hồ trong thời gian mùa lũ được quy định tại Bảng 2.

Bảng 2. Thông số, các yếu tố và thời gian quan trắc trong mùa lũ

Thông số, yếu tố quan trắc, tính toán Chế độ vận hành	Thời hạn quan trắc ít nhất (số giờ/ lần)			
	Lượng mưa trên lưu vực	Lưu lượng vào hồ	Lưu lượng xả qua tràn, qua tua bin	Mực nước hồ và mực nước hạ lưu đập tràn
Khi chưa vận hành chống lũ	6	6	6	6
Khi vận hành chống lũ, mực nước $\leq 477,0$ m	1	1	1	1
Khi mực nước hồ cao hơn cao trình mực nước lũ tần suất thiết kế 477,0 m	1	0.25	0.25	0.25

5. Trách nhiệm cung cấp thông tin, số liệu.

Trong thời gian không quá 30 phút kể từ thời điểm kết thúc lần quan trắc, đo đạc, tính toán theo quy định tại khoản 2 Điều này, phải cung cấp toàn bộ số liệu cho Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn các tỉnh Đắk Nông và Bình Phước, Bộ Công Thương, Đài Khí tượng Thủy văn khu vực Tây Nguyên, Đài Khí tượng Thủy văn các tỉnh Đắk Nông và Bình Phước, Sở Tài nguyên và Môi trường các tỉnh Đắk Nông và Bình Phước, Sở Công Thương các tỉnh Đắk Nông và Bình Phước, Ủy ban nhân dân huyện Đắk R'lấp tỉnh Đắk Nông và huyện Bù Đăng tỉnh Bình Phước, đồng thời cập nhật số liệu quan trắc, đo đạc, tính toán lên trang web <http://hothuydien.atmt.gov.vn> gồm:

- a) Mức nước thượng lưu, mức nước hạ lưu hồ.
- b) Lưu lượng vào hồ, lưu lượng xả qua tràn, lưu lượng qua tuốc bin.
- c) Dự tính khả năng gia tăng mực hồ khi tính theo lưu lượng đến hồ.
- d) Lượng mưa trên lưu vực.
- d) Trạng thái làm việc của công trình.

Điều 9. Phối hợp vận hành giữa Công ty Cổ phần Thủy điện Đắk Kar với chủ sở hữu, tổ chức, cá nhân khai thác đập, hồ chứa nước khác trên cùng lưu vực sông Đồng Nai và các tổ chức, cơ quan, cá nhân có liên quan trong công tác vận hành đập, hồ chứa thủy điện.

1. Tuân thủ quy trình vận hành liên hồ chứa do cấp có thẩm quyền ban hành.

2. Trong quá trình vận hành công trình thủy điện Đắk Kar, Công ty Cổ phần Thủy điện Đắk Kar phải thường xuyên cung cấp, trao đổi và cập nhật thông tin với chủ sở hữu, tổ chức, cá nhân khai thác đập, hồ chứa nước khác trên lưu vực sông Đồng Nai cùng các tổ chức, cơ quan, cá nhân có liên quan đến công tác vận hành đập, hồ chứa thủy điện Đắk Kar theo quy định của Quy chế phối hợp để có chế độ vận hành tối ưu và an toàn.

Điều 10. Cảnh báo trước, trong quá trình vận hành xả lũ và vận hành cống xả cát

1. Khi các cửa van đập tràn và cửa van cống xả cát đang ở trạng thái đóng hoàn toàn: 30 phút trước khi xả, kéo 3 hồi còi, mỗi hồi còi dài 20 giây và cách nhau 10 giây.

2. Ngay trước khi xả nước qua các cửa van đập tràn, cửa van cống xả cát, hoặc khi tăng lưu lượng xả làm mực nước hạ lưu tăng thêm tối đa 0,5m, kéo 2 hồi còi, mỗi hồi còi dài 20 giây và cách nhau 10 giây.

3. Khi xảy ra các trường hợp đặc biệt cần phải xả nước khẩn cấp để đảm bảo an toàn công trình: Kéo 5 hồi còi, mỗi hồi còi dài 30 giây và cách nhau 05 giây; sau khi kết thúc hiệu lệnh mới được phép xả.

4. Khi các cửa van đập tràn và cửa van cống xả cát kết thúc xả nước, kéo 1 hồi còi dài 30 giây.

5. Ngoài các hiệu lệnh thông báo theo quy định từ khoản 1 đến khoản 4 Điều này, Công ty Cổ phần Thủy điện Đăk Kar phải thông báo việc vận hành cửa van đập tràn và cửa van cống xả cát qua hệ thống cảnh báo được lắp đặt phía hạ du công trình quy định tại khoản 16 Điều 16 của Quy trình này.

6. Trước khi vận hành xả nước phát điện qua mỗi tổ máy, Công ty Cổ phần Thủy điện Đăk Kar phải thông báo qua hệ thống cảnh báo được lắp đặt phía hạ du công trình quy định tại khoản 16 Điều 16 của Quy trình này.

7. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân trong việc phát lệnh, truyền lệnh, thực hiện lệnh vận hành xả lũ.

a) Các lệnh, ý kiến chỉ đạo, kiến nghị, trao đổi có liên quan đến việc vận hành và chống lũ của hồ chứa thủy điện Đăk Kar đều phải thực hiện bằng văn bản, đồng thời bằng fax, thông tin trực tiếp qua điện thoại, chuyển bản tin bằng mạng vi tính, sau đó văn bản gốc được gửi để theo dõi, đối chiếu và lưu hồ sơ quản lý.

b) Các lệnh, ý kiến chỉ đạo, kiến nghị trao đổi có liên quan đến việc vận hành và chống lũ của hồ chứa thủy điện Đăk Kar qua điện thoại đều phải được ghi âm và thực hiện theo trình tự sau:

- Người có thẩm quyền phát lệnh vận hành công trình;
- Người có thẩm quyền tiếp nhận lệnh và nhắc lại lệnh đã nhận được;
- Người có thẩm quyền phát lệnh khẳng định lại lệnh đã ban hành.

Chương II

VẬN HÀNH HỒ CHỨA THỦY ĐIỆN ĐẮK KAR TRONG MÙA LŨ

Điều 11. Quy định về mực nước vận hành hồ trong mùa lũ

Mực nước cao nhất trước lũ của hồ chứa thủy điện Đăk Kar trong thời kỳ mùa lũ không được vượt quá cao trình mực nước dâng bình thường 475,0 m.

Điều 12. Vận hành hồ chứa thủy điện Đăk Kar trong thời kỳ mùa lũ

Căn cứ vào kết quả dự báo của cơ quan dự báo khí tượng, thủy văn có thẩm quyền và quan trắc, dự báo của Công ty Cổ phần Thủy điện Đăk Kar về lưu lượng lũ vào hồ và mực nước hồ chứa, phương thức vận hành điều tiết lũ như sau:

1. Nguyên tắc cơ bản: Duy trì mực nước hồ không vượt quá cao trình mực nước dâng bình thường 475,0 m bằng chế độ xả nước qua các tổ máy phát điện và đóng, mở cửa van đập tràn đến khi toàn bộ các cửa van mở hoàn toàn.

2. Trong mọi trường hợp vận hành bình thường từ thời điểm lũ vào hồ đến khi đạt đỉnh, việc vận hành hồ chứa phải đảm bảo tổng lưu lượng xả qua công trình về hạ du không được lớn hơn lưu lượng vào hồ cùng thời điểm với sai số cho phép là 50% chênh lệch tổng lưu lượng xả của trình tự đó so với trình tự mở cửa van đập tràn liên kế trước hoặc sau.

3. Trình tự, phương thức đóng mở cửa van đập tràn thực hiện theo quy định tại Điều 6 của Quy trình này.

4. Cảnh báo trước, trong quá trình vận hành xả lũ và vận hành công xả cát thực hiện theo quy định tại Điều 10 của Quy trình này.

5. Nhiệm vụ của hồ Đăk Kar và một số hồ khác trong mùa lũ tuân thủ theo QTVH liên hồ chứa được duyệt.

a) Trong quá trình các hồ vận hành giám lũ cho hạ du, bảo đảm an toàn công trình hoặc thực hiện chế độ vận hành trong tình huống bất thường, phải phối hợp vận hành để góp phần giảm lũ cho hạ du, bảo đảm an toàn công trình và xử lý các tình huống bất thường;

b) Khi mực nước hồ đạt đến mực nước dâng bình thường thì thực hiện chế độ vận hành duy trì mực nước hồ; đồng thời sẵn sàng chuyển sang chế độ vận hành đảm bảo an toàn công trình theo quy định.

Điều 13. Vận hành hồ chứa đảm bảo an toàn cho công trình

Khi mực nước hồ Đăk Kar đạt đến cao trình mực nước dâng bình thường 475,0m mà lưu lượng đến hồ tiếp tục tăng và có khả năng ảnh hưởng đến an toàn công trình, chuyển sang chế độ vận hành đảm bảo an toàn công trình như sau:

1. Không cho phép sử dụng phần dung tích hồ từ cao trình mực nước dâng bình thường 475,0 m đến cao trình mực nước lũ kiểm tra 480.18 m để điều tiết cắt, giảm lũ khi các cửa van đập tràn chưa ở trạng thái mở hoàn toàn.

2. Cho phép Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy điện Đăk Kar quyết định vận hành cửa van đập tràn công trình thủy điện Đăk Kar khác với quy định tại Điều 6 và Điều 11 của Quy trình này trong các trường hợp xảy ra sự cố hoặc những tình huống bất thường và phải chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

3. Không cho phép nước tràn qua đỉnh cửa van đập tràn trong mọi trường hợp vận hành xả lũ.

4. Sau đỉnh lũ, phải vận hành các cửa van đập tràn ở trạng thái chảy tự do cho đến khi mực nước hồ rút dần về cao trình mực nước dâng bình thường 475,0m.

5. Trường hợp đập hoặc các thiết bị của công trình bị hư hỏng hoặc sự cố đòi hỏi phải tháo nước nhằm đảm bảo an toàn công trình, trước khi tháo nước, Công ty Cổ phần Thủy điện Đăk Kar phải lập phương án, kế hoạch cụ thể đảm bảo không chế tốc độ hạ thấp mực nước sao cho không gây mất an toàn đập, các công trình ở tuyến đầu mối và hạ du.

6. Trách nhiệm phát hiện và xử lý sự cố hoặc những tình huống bất thường thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều này, khoản 3 Điều 15 và Điều 16 của Quy trình này.

Chương III

VẬN HÀNH HỒ CHỨA THỦY ĐIỆN ĐẮK KAR TRONG MÙA KIẾT

Điều 14. Vận hành phát điện, xả nước hồ chứa thủy điện Đăk Kar trong mùa kiệt.

1. Vận hành công trình đảm bảo dòng chảy tối thiểu.

Việc vận hành, khai thác công trình thủy điện Đăk Kar phải đảm bảo duy trì dòng chảy tối thiểu ở khu vực hạ du hồ chứa theo quy định của Luật Tài nguyên nước số 17/2012/QH13 ngày 21 tháng 6 năm 2012 của Quốc hội, với lưu lượng được xác định trong giấy phép khai thác, sử dụng tài nguyên nước do cấp có thẩm quyền cấp.

Việc vận hành xả nước đảm bảo dòng chảy tối thiểu ở khu vực hạ du hồ chứa thủy điện được thực hiện thông qua công xã cát kết hợp xả môi trường và tháo cạn hồ.

2. Vận hành phát điện của Nhà máy thủy điện Đăk Kar.

a) Nguyên tắc chung: Phải tuân thủ phương thức và lệnh điều độ của cơ quan điều độ hệ thống điện có quyền điều khiển.

b) Trong trường hợp vận hành xả lũ mà mực nước hồ vượt quá cao trình mực nước dâng bình thường 475,0 m, ưu tiên phát điện với lưu lượng lớn nhất có thể qua tua bin.

c) Khi mực nước hồ đang ở cao trình mực nước dâng bình thường 475,0m mà lưu lượng đến hồ lớn hơn hoặc bằng lưu lượng phát điện thiết kế của nhà máy cùng thời điểm, ưu tiên phát điện với lưu lượng lớn nhất có thể qua tua bin. Lưu lượng còn lại sau khi phát điện phải vận hành cửa van đập tràn để xả nước nhằm duy trì mực nước hồ không vượt quá cao trình mực nước dâng bình thường.

- Trình tự, phương thức đóng, mở cửa van đập tràn thực hiện theo quy định tại Điều 6 của Quy trình này.

- Cảnh báo trước, trong quá trình vận hành xả lũ và vận hành công xả cát thực hiện theo quy định tại Điều 10 của Quy trình này.

d) Khi mực nước hồ nằm trong khoảng từ cao trình mực nước chết 470,0 m đến dưới cao trình mực nước dâng bình thường 475,0 m: Tùy theo nhu cầu thực tế, khả năng điều tiết nước của hồ chứa và đặc tính thiết bị cơ khí thủy lực để vận hành thiết bị tối ưu (tăng hiệu quả phát điện, giảm thiểu lượng nước xả bỏ, đảm bảo an toàn cấp nước hạ du ...).

e) Khi mực nước hồ chứa đang ở cao trình mực nước chết mà lưu lượng về hồ nhỏ hơn lưu lượng tối thiểu cho phép của một tuabin, nhà máy ngừng phát điện.

g) Trong các trường hợp nhà máy ngừng phát điện, phải vận hành công xả môi trường để đảm bảo duy trì dòng chảy tối thiểu ở hạ du theo quy định tại khoản 1 điều này.

Chương IV CÁC TRƯỜNG HỢP VẬN HÀNH KHÁC

Điều 15. Vận hành hồ chứa khi khu vực hạ du có yêu cầu bất thường về nước

Khi khu vực hạ du của công trình thủy điện Đăk Kar có nhu cầu bất thường về sử dụng nước hoặc khác với quy định tại Quy trình này thì cơ quan có nhu cầu phải xin ý kiến bằng văn bản gửi Ủy ban nhân dân tỉnh trực thuộc (Đăk Nông hoặc Bình Phước). Sau khi Ủy ban nhân dân tỉnh đồng ý, các cơ quan liên quan thống nhất về lưu lượng, kế hoạch thời gian xả nước, Công ty Cổ phần Thủy điện Đăk Kar thông báo ngay cho cấp Điều độ hệ thống điện có quyền điều khiển để phối hợp, bố trí kế hoạch huy động nhà máy thủy điện Đăk Kar phát điện đảm bảo tối ưu hiệu quả sử dụng nước, đồng thời tổ chức thực hiện và báo cáo Bộ Công Thương để theo dõi, chỉ đạo.

Điều 16. Vận hành hồ chứa Đăk Kar khi xảy ra hạn hán, thiếu nước, ô nhiễm nguồn nước nghiêm trọng hoặc khi xảy ra các sự cố tai biến môi trường

1. Trong trường hợp xảy ra hạn hán, thiếu nước trên lưu vực suối Đăk Kar, Công ty Cổ phần Thủy điện Đăk Kar phải báo cáo Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn tuân thủ theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 56 Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2017 của Quốc hội.

2. Trong trường hợp xảy ra ô nhiễm nguồn nước hoặc khi xảy ra các trường hợp khẩn cấp khác trên lưu vực sông Đăk Kar, Công ty Cổ phần Thủy điện Đăk Kar phải tuân thủ theo lệnh điều hành vận hành hồ chứa của cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại Điều 27 và điểm b khoản 3 Điều 53 Luật Tài nguyên nước số 17/2012/QH13 ngày 21 tháng 6 năm 2012 của Quốc hội.

Chương V TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

Điều 17. Nguyên tắc chung về trách nhiệm đảm bảo an toàn công trình.

1. Lệnh vận hành hồ chứa thủy điện Đăk Kar nếu trái với các quy định trong Quy trình này, dẫn đến công trình đầu mối, hệ thống các công trình và dân sinh ở hạ du bị mất an toàn thì người ra lệnh phải chịu trách nhiệm trước pháp luật.

2. Trong quá trình vận hành công trình nếu phát hiện có nguy cơ xảy ra sự cố công trình đầu mối, đòi hỏi phải điều chỉnh tức thời thì Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy điện Đăk Kar có trách nhiệm xử lý sự cố, đồng thời báo cáo Bộ Công Thương, Ủy ban nhân dân các tỉnh Đăk Nông và Bình Phước, Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn các tỉnh Đăk Nông và Bình Phước, Sở Công Thương các tỉnh Đăk Nông và Bình Phước, Ủy ban nhân dân huyện Đăk R'lấp tỉnh Đăk Nông và huyện Bù Đăng tỉnh Bình Phước; thông báo cho Chủ các hồ chứa ở thượng, hạ lưu công trình và thông báo trên hệ thống

cảnh báo được lắp đặt ở khu vực hạ du để người dân chủ động, có ứng phó cần thiết.

3. Tháng 4 hàng năm là thời kỳ tổng kiểm tra trước mùa lũ, Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy điện Đắk Kar có trách nhiệm tổ chức kiểm tra các trang thiết bị, các hạng mục công trình và tiến hành sửa chữa để đảm bảo vận hành theo chế độ làm việc quy định, đồng thời báo cáo kết quả về Bộ Công Thương, Ủy ban nhân dân các tỉnh Đắk Nông và Bình Phước, Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn các tỉnh Đắk Nông và Bình Phước, Sở Công Thương các tỉnh Đắk Nông và Bình Phước để theo dõi chỉ đạo.

4. Trường hợp có sự cố công trình và trang thiết bị, không thể sửa chữa xong trước ngày 31 tháng 5, Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy điện Đắk Kar phải có biện pháp xử lý phù hợp, kịp thời và báo cáo Ủy ban nhân dân các tỉnh Đắk Nông và Bình Phước, Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn các tỉnh Đắk Nông và Bình Phước, Sở Công Thương các tỉnh Đắk Nông và Bình Phước để theo dõi, chỉ đạo; đồng thời thông báo cho Chủ các hồ chứa ở thượng, hạ lưu công trình, Ủy ban nhân dân huyện Đắk R'lấp tỉnh Đắk Nông và huyện Bù Đăng tỉnh Bình Phước để kịp thời phối hợp, có ứng phó cần thiết.

Điều 18. Trách nhiệm của Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy điện Đắk Kar

1. Ban hành và thực hiện lệnh vận hành công trình theo quy định trong Quy trình này.

2. Trước khi vận hành mở các cửa van đập tràn từ trạng thái đóng hoàn toàn, phải thông báo trước 02 giờ đến Ủy ban nhân dân các tỉnh Đắk Nông và Bình Phước, Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn các tỉnh Đắk Nông và Bình Phước, Ủy ban nhân dân huyện Đắk R'lấp tỉnh Đắk Nông và huyện Bù Đăng tỉnh Bình Phước để chỉ đạo chống lũ cho hạ du; đồng thời thông báo cho Đài Khí tượng Thủy văn các tỉnh Đắk Nông và Bình Phước, Chủ các đập ở phía thượng, hạ lưu công trình thủy điện Đắk Kar và thông báo trên hệ thống cảnh báo ở khu vực hạ du để người dân chủ động phòng tránh thiệt hại có thể xảy ra.

3. Trường hợp xảy ra những tình huống bất thường hoặc sự cố, không thực hiện được theo đúng quy trình vận hành, phải triển khai ngay các biện pháp ứng phó phù hợp, kịp thời; đồng thời báo cáo Ủy ban nhân dân các tỉnh Đắk Nông và Bình Phước, Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn các tỉnh Đắk Nông và Bình Phước, Sở Công Thương các tỉnh Đắk Nông và Bình Phước, Ủy ban nhân dân huyện Bù Đăng tỉnh Bình Phước, Ủy ban nhân dân huyện Đắk R'lấp tỉnh Đắk Nông; thông báo cho Chủ các đập ở phía thượng, hạ lưu công trình thủy điện Đắk Kar và thông báo trên hệ thống cảnh báo ở khu vực hạ du để người dân chủ động, có biện pháp ứng phó cần thiết.

4. Trước khi xả nước khẩn cấp để đảm bảo an toàn cho công trình đầu mối phải báo cáo Ủy ban nhân dân các tỉnh Đắk Nông và Bình Phước, Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn các tỉnh Đắk Nông và Bình Phước, Đài Khí tượng Thủy văn các tỉnh Đắk Nông và Bình Phước, Ủy ban nhân dân huyện Đắk R'lấp tỉnh Đắk Nông và huyện Bù Đăng tỉnh Bình Phước để chỉ đạo chống lũ cho hạ du; đồng thời báo cáo Bộ Công Thương, Sở Công Thương các tỉnh Đắk Nông và Bình Phước, Trung tâm Dự báo khí tượng thủy văn quốc gia; thông báo cho Chủ các đập ở phía thượng, hạ lưu công trình thủy điện Đắk Kar và thông báo trên hệ thống cảnh báo ở khu vực hạ du để người dân chủ động, có ứng xử cần thiết.

5. Sau mùa lũ hàng năm, lập báo cáo tổng kết gửi Bộ Công Thương, Ủy ban nhân dân các tỉnh Đắk Nông và Bình Phước, Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn các tỉnh Đắk Nông và Bình Phước, Sở Công Thương các tỉnh Đắk Nông và Bình Phước, Sở Tài nguyên và Môi trường các tỉnh Đắk Nông và Bình Phước, Ủy ban nhân dân huyện Đắk R'lấp tỉnh Đắk Nông và huyện Bù Đăng tỉnh Bình Phước về việc thực hiện quy trình vận hành hồ chứa thủy điện Đắk Kar, đánh giá kết quả khai thác, tính hợp lý, những tồn tại và nêu những kiến nghị cần thiết.

6. Thành lập Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn công trình thủy điện Đắk Kar. Cơ cấu thành phần của Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn công trình thủy điện Đắk Kar do Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy điện Đắk Kar quyết định.

7. Tổ chức ghi chép vào nhật ký vận hành các hoạt động liên quan đến vận hành công trình thủy điện Đắk Kar.

8. Định kỳ 5 năm, phải rà soát, đánh giá kết quả thực hiện Quy trình vận hành hồ chứa thủy điện Đắk Kar, báo cáo Sở Công Thương các tỉnh Đắk Nông và Bình Phước.

9. Tổ chức kiểm tra, đánh giá an toàn đập, hồ chứa nước ngay sau khi có mưa, lũ lớn trên lưu vực hoặc động đất mạnh tại khu vực công trình.

10. Trước ngày 15 tháng 4 hàng năm, phải lập Báo cáo hiện trạng an toàn đập gửi Sở Công Thương tỉnh Bình Phước để tổng hợp, báo cáo Bộ Công Thương và Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước; đồng thời gửi Sở Công Thương tỉnh Đắk Nông để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông.

11. Tổ chức kiểm định an toàn đập, báo cáo kết quả về Sở Công Thương tỉnh Đắk Nông và Bình Phước theo quy định tại Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước.

12. Hàng năm, lập, rà soát, điều chỉnh, bổ sung và phê duyệt phương án ứng phó thiên tai theo quy định tại Điều 22 của Luật Phòng chống thiên tai.

13. Chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân các tỉnh Đắk Nông và Bình Phước lập và rà soát, điều chỉnh, bổ sung hàng năm phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp trình Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước xem xét, phê duyệt.

14. Giám sát quá trình khai thác sử dụng nước tại hồ chứa và khu vực hạ lưu công trình thủy điện Đắk Kar chịu ảnh hưởng của việc vận hành hồ chứa; hàng năm lập kế hoạch điều tiết nước hồ chứa và tổ chức thông báo kế hoạch điều tiết nước theo quy định tại Khoản 3 Điều 53 Luật Tài nguyên nước số 17/2012/QH13 ngày 21 tháng 6 năm 2012 của Quốc Hội.

15. Lắp đặt, bảo trì, sửa chữa, nâng cấp, quản lý và vận hành hệ thống giám sát vận hành, thiết bị thông tin, cảnh báo an toàn cho đập và vùng hạ du đập; truyền tin hiệu hình ảnh về Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống thiên tai, Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Công Thương, Ủy ban nhân dân các tỉnh Đắk Nông và Bình Phước, Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn các tỉnh Đắk Nông và Bình Phước, Tập đoàn Điện lực Việt Nam, Cục Quản lý tài nguyên nước và Cục Điều tiết điện lực. Xây dựng, lắp đặt hệ thống giám sát tự động, trực tuyến việc vận hành xả nước của hồ chứa thủy điện Đắk Kar theo quy định.

16. Chủ trì, phối hợp với Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn các tỉnh Đắk Nông, Bình Phước và các huyện, xã liên quan: khảo sát, lập phương án và thực hiện lắp đặt hệ thống cảnh báo điều tiết lũ và phát điện phía hạ du công trình thủy điện Đắk Kar để thông báo đến người dân trong quá trình vận hành; phương thức, hình thức cảnh báo qua hệ thống cảnh báo phải được quy định cụ thể trong Quy chế phối hợp.

17. Chịu trách nhiệm về công tác phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn cho công trình và hạ du hồ chứa, cụ thể:

a) Tổ chức quan trắc, thu thập, theo dõi chặt chẽ tình hình diễn biến khí tượng, thủy văn; thực hiện chế độ quan trắc, dự báo theo quy định tại Điều 7 của Quy trình này.

b) Tổ chức kiểm tra thường xuyên về tình trạng công trình, thiết bị, tình hình sạt lở vùng hồ và có các biện pháp khắc phục kịp thời các hư hỏng để đảm bảo tình trạng, độ tin cậy làm việc bình thường, an toàn của công trình và thiết bị.

c) Tổ chức, huy động lực lượng trực, sẵn sàng triển khai công tác khi cần thiết.

18. Tổ chức việc kiểm tra, đánh giá theo định kỳ toàn bộ thiết bị, công trình và nhân sự, cụ thể đề cập đến các vấn đề sau:

a) Tình trạng làm việc của các công trình thủy công và hồ chứa.

b) Công tác sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị chính, thiết bị phụ và công trình liên quan đến công tác vận hành hồ chứa.

c) Các thiết bị, bộ phận công trình liên quan tới đảm bảo vận hành an toàn

các tổ máy phát điện.

d) Phương án đảm bảo cung cấp điện (kể cả nguồn điện dự phòng) cho các hạng mục quan trọng của nhà máy và phương án, phương tiện thông tin liên lạc.

e) Các nguồn vật liệu dự phòng, phương án huy động nhân lực, các thiết bị và phương tiện vận chuyển, các thiết bị và phương tiện cần thiết cho xử lý sự cố.

g) Các dụng cụ cứu sinh, dụng cụ bơi.

h) Công tác quan trắc, tính toán, dự báo về khí tượng, thủy văn; các tài liệu và phương tiện cần thiết cho tính toán điều tiết hồ chứa.

i) Diễn tập và kiểm tra quy trình, kỹ thuật xả lũ như tính toán, đóng mở cửa van, thông báo thử cho các chức danh có liên quan.

k) Hàng năm, phối hợp với các cơ quan nhà nước có liên quan của các tỉnh Đắk Nông và Bình Phước để thông báo và tuyên truyền đến nhân dân vùng hạ du những thông tin và điều lệnh về công tác phòng, chống thiên tai của hồ chứa thủy điện Đắk Kar, đặc biệt là với nhân dân sinh sống gần hạ lưu công trình.

19. Sau mỗi trận lũ và sau cả mùa lũ, phải tiến hành ngay các công tác sau:

a) Kiểm tra tình trạng ổn định, an toàn của công trình, thiết bị bao gồm cả ảnh hưởng xói lở ở hạ lưu đập tràn.

b) Khi hạ du công trình thủy điện Đắk Kar xảy ra thiệt hại do hồ xả lũ gây ngập lụt, phối hợp với các cơ quan chức năng có liên quan ở địa phương của các tỉnh Đắk Nông và Bình Phước kiểm tra, đánh giá thiệt hại, xác định nguyên nhân gây thiệt hại và có các biện pháp để khắc phục trong trường hợp thuộc trách nhiệm của Công ty Cổ phần Thủy điện Đắk Kar.

c) Lập báo cáo diễn biến lũ.

d) Sửa chữa những hư hỏng nguy hiểm đe dọa đến sự ổn định, an toàn công trình và thiết bị.

đ) Báo cáo Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn các tỉnh Đắk Nông và Bình Phước, Sở Công Thương các tỉnh Đắk Nông và Bình Phước kết quả thực hiện những công tác trên.

Điều 19. Trách nhiệm của Trường Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn các tỉnh Đắk Nông và Bình Phước.

1. Tổ chức thường trực, theo dõi diễn biến tình hình mưa lũ và việc vận hành công trình thủy điện Đắk Kar để chỉ đạo phòng, chống lũ lụt và xử lý các tình huống bất thường có ảnh hưởng đến an toàn hạ du.

2. Khi nhận được báo cáo việc vận hành đóng, mở cửa van đập tràn hồ chứa thủy điện Đắk Kar, phải đồng thời triển khai ngay các công tác sau:

a) Chỉ đạo thực hiện các biện pháp đối phó với lũ, lụt và xử lý các tình huống ảnh hưởng đến an toàn dân cư ở hạ du hồ chứa thủy điện Đăk Kar nhằm hạn chế tác hại do việc đóng, mở các cửa van đập tràn gây ra.

b) Thông báo và chỉ đạo các địa phương, tổ chức, đơn vị liên quan trong địa bàn tỉnh triển khai các biện pháp đối phó phù hợp nhằm hạn chế đến mức thấp nhất các tác hại do việc xả lũ của công trình gây ra.

c) Phối hợp với các cơ quan liên quan thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng của tỉnh.

3. Chỉ đạo Ban Chỉ huy Phòng, phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn huyện Đăk R'láp (đối với tỉnh Đăk Nông) và huyện Bù Đăng (đối với tỉnh Bình Phước) và các địa phương, tổ chức liên quan phối hợp với Công ty Cổ phần Thủy điện Đăk Kar trong công tác phòng, chống thiên tai và vận hành công trình thủy điện Đăk Kar.

4. Phối hợp với Công ty Cổ phần Thủy điện Đăk Kar xác định vị trí lắp đặt hệ thống cảnh báo xả lũ và phát điện phía hạ du phục vụ vận hành công trình thủy điện Đăk Kar.

5. Báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh trực thuộc để kịp thời xử lý theo thẩm quyền khi phát hiện những vi phạm các quy định trong Quy trình này, đồng thời báo cáo Bộ Công Thương.

Điều 20. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước

1. Tổ chức thông tin, tuyên truyền, giải thích công khai Quy trình này trên các phương tiện thông tin đại chúng, hệ thống truyền thanh ở địa phương để các cơ quan và nhân dân trên địa bàn hiểu, chủ động phòng ngừa, ứng phó, hạn chế thiệt hại do lũ, lụt và chủ động bố trí kế hoạch sản xuất, lấy nước phù hợp với chế độ vận hành của hồ theo quy định của Quy trình này nhằm sử dụng hiệu quả nguồn nước.

2. Chỉ đạo kiểm tra, giám sát Công ty Cổ phần Thủy điện Đăk Kar thực hiện đúng các quy định trong Quy trình này.

3. Chỉ đạo xây dựng phương án chủ động phòng, chống lũ lụt, hạn hán và tổ chức thực hiện các biện pháp ứng phó với các tình huống lũ, lụt và hạn hán trên địa bàn.

4. Chỉ đạo Công ty Cổ phần Thủy điện Đăk Kar thực hiện việc đảm bảo an toàn hồ thuộc phạm vi quản lý của mình; thực hiện chế độ quan trắc, dự báo và cung cấp số liệu, thông tin cho các cơ quan, đơn vị liên quan theo quy định tại Điều 8 và thực hiện việc vận hành hồ theo đúng Quy trình này.

5. Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị quản lý, vận hành hồ liên quan trong địa bàn tỉnh phối hợp với Công ty Cổ phần Thủy điện Đăk Kar thực hiện đúng các quy định trong Quy trình này.

6. Xử lý theo thẩm quyền khi phát hiện những vi phạm các quy định trong Quy trình này.

7. Kịp thời kiến nghị Bộ Công Thương xem xét điều chỉnh, bổ sung nội

dung Quy trình vận hành này cho phù hợp thực tế.

Điều 21. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông

1. Tổ chức thông tin, tuyên truyền, giải thích công khai Quy trình này trên các phương tiện thông tin đại chúng, hệ thống truyền thanh ở địa phương để các cơ quan và nhân dân trên địa bàn hiểu, chủ động phòng ngừa, ứng phó, hạn chế thiệt hại do lũ, lụt và chủ động bố trí kế hoạch sản xuất, lấy nước phù hợp với chế độ vận hành của hồ theo quy định của Quy trình này nhằm sử dụng hiệu quả nguồn nước;

2. Phối hợp với Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước trong việc chỉ đạo kiểm tra, giám sát việc thực hiện các quy định trong Quy trình này.

3. Chỉ đạo xây dựng phương án chủ động phòng, chống lũ lụt, hạn hán và tổ chức thực hiện các biện pháp ứng phó với các tình huống lũ, lụt và hạn hán trên địa bàn.

4. Xử lý theo thẩm quyền khi phát hiện những vi phạm các quy định trong Quy trình này.

5. Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị quản lý, vận hành hồ liên quan trong địa bàn tỉnh phối hợp với Công ty Cổ phần Thủy điện Đắk Kar thực hiện đúng các quy định trong Quy trình này.

6. Kịp thời kiến nghị Bộ Công Thương xem xét điều chỉnh, bổ sung nội dung Quy trình vận hành này cho phù hợp thực tế.

Điều 22. Trách nhiệm của Sở Công Thương tỉnh Bình Phước

1. Kiểm tra, giám sát Công ty Cổ phần Thủy điện Đắk Kar thực hiện các quy định trong Quy trình này.

2. Kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước trong trường hợp phát hiện những vi phạm các quy định trong Quy trình này.

3. Định kỳ hàng năm, trên cơ sở Báo cáo hiện trạng an toàn đập công trình thủy điện Đắk Kar do Công ty Cổ phần Thủy điện Đắk Kar gửi, tổng hợp, báo cáo Bộ Công Thương, Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước.

4. Định kỳ 5 năm, trên cơ sở báo cáo kết quả thực hiện Quy trình vận hành hồ chứa thủy điện Đắk Kar do Công ty Cổ phần Thủy điện Đắk Kar gửi, tổng hợp, báo cáo Bộ Công Thương, Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước.

Điều 23. Trách nhiệm của Sở Công Thương tỉnh Đắk Nông

1. Phối hợp với Sở Công Thương tỉnh Bình Phước trong việc kiểm tra, giám sát Công ty Cổ phần Thủy điện Đắk Kar thực hiện các quy định trong Quy trình này.

2. Kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông trong trường hợp phát hiện những vi phạm các quy định trong Quy trình này.

3. Định kỳ hàng năm, trên cơ sở Báo cáo hiện trạng an toàn đập công trình thủy điện Đắk Kar do Công ty Cổ phần Thủy điện Đắk Kar gửi, tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông.

4. Định kỳ 5 năm, trên cơ sở báo cáo kết quả thực hiện Quy trình vận hành hồ chứa thủy điện Đắk Kar do Công ty Cổ phần Thủy điện Đắk Kar gửi,

tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông.

Điều 24. Chuyển giao trách nhiệm sử dụng, khai thác, vận hành công trình thủy điện Đắk Kar

1. Trong trường hợp chuyển giao chủ sở hữu công trình thủy điện Đắk Kar từ Công ty Cổ phần Thủy điện Đắk Kar sang một đơn vị khác, các quy định về trách nhiệm của Công ty và Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy điện Đắk Kar trong Quy trình này sẽ được quy định cho chủ sở hữu được chuyển giao.

2. Tất cả các văn bản, hồ sơ, giấy tờ có liên quan đến việc chuyển giao trách nhiệm sử dụng, khai thác, vận hành công trình thủy điện Đắk Kar đều phải gửi một bộ cho Bộ Công Thương, một bộ cho Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông và một bộ cho Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước để thống nhất theo dõi, chỉ đạo.

Điều 25. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân trong việc sửa đổi, bổ sung Quy trình vận hành hồ chứa thủy điện Đắk Kar

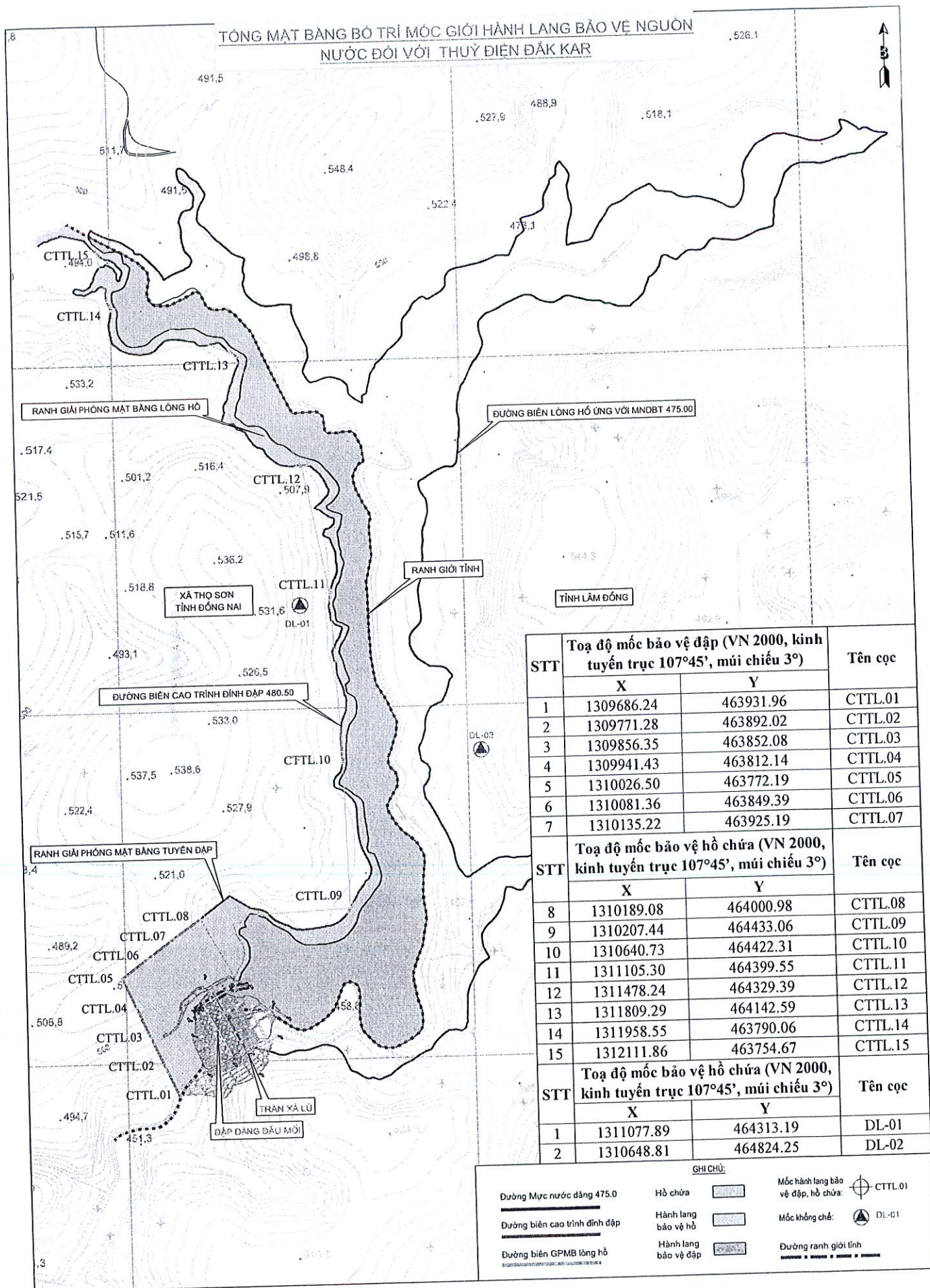
Trong quá trình thực hiện Quy trình vận hành hồ chứa thủy điện Đắk Kar, nếu có nội dung chưa hợp lý cần sửa đổi, bổ sung, Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy điện Đắk Kar có trách nhiệm rà soát, điều chỉnh, trình Bộ trưởng Bộ Công Thương để xem xét, quyết định. /s/



KT. BỘ TRƯỞNG
THỦ TRƯỞNG

Hoàng Quốc Vượng

TỔNG MẶT BẰNG BỐ TRÍ MỐC GIỚI HÀNH LANG BẢO VỆ NGUỒN
NƯỚC ĐỐI VỚI THUY ĐIỆN ĐẮK KAR



STT	Toạ độ mốc bảo vệ đập (VN 2000, kinh tuyến trực 107°45', múi chiếu 3°)		Tên cọc
	X	Y	
1	1309686.24	463931.96	CTTL.01
2	1309771.28	463892.02	CTTL.02
3	1309856.35	463852.08	CTTL.03
4	1309941.43	463812.14	CTTL.04
5	1310026.50	463772.19	CTTL.05
6	1310081.36	463849.39	CTTL.06
7	1310135.22	463925.19	CTTL.07
STT	Toạ độ mốc bảo vệ hồ chứa (VN 2000, kinh tuyến trực 107°45', múi chiếu 3°)		Tên cọc
	X	Y	
8	1310189.08	464000.98	CTTL.08
9	1310207.44	464433.06	CTTL.09
10	1310640.73	464422.31	CTTL.10
11	1311105.30	464399.55	CTTL.11
12	1311478.24	464329.39	CTTL.12
13	1311809.29	464142.59	CTTL.13
14	1311958.55	463790.06	CTTL.14
15	1312111.86	463754.67	CTTL.15
STT	Toạ độ mốc bảo vệ hồ chứa (VN 2000, kinh tuyến trực 107°45', múi chiếu 3°)		Tên cọc
	X	Y	
1	1311077.89	464313.19	DL-01
2	1310648.81	464824.25	DL-02

GHI CHÚ:

Đường Mực nước dâng 475.0

Đường biên cao trình đỉnh đập

Đường biên GPMB lòng hồ

Hồ chứa

Hành lang bảo vệ hồ

Hành lang bảo vệ đập

Mốc hành lang bảo vệ đập, hồ chứa:

Mốc không chế:

Đường ranh giới tỉnh

CTTL.01

DL-01